

HỒ SƠ YÊU CẦU CHÀO GIÁ

Tên gói dịch vụ: Thuê dịch vụ phát triển và hosting, bảo trì, đảm bảo hoạt động Website Thương mại điện tử Vietnam Airlines giai đoạn T6/2025-T5/2030

Bên mời chào giá: Tổng công ty Hàng không Việt Nam - CTCP

Hà Nội, ngày 07 tháng 01 năm 2025

TUQ. TỔNG GIÁM ĐỐC
TỔ TRƯỞNG TỔ LCNCC



ĐINH VĂN TUẤN
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

MỤC LỤC

MỤC LỤC	2
GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ, TỪ VIẾT TẮT	4
THƯ MỜI THAM GIA CHÀO GIÁ	5
1. YÊU CẦU CHUNG VỀ SẢN PHẨM / DỊCH VỤ	6
1.1. Nội dung, danh mục sản phẩm/dịch vụ, số lượng	6
1.1.1. Phạm vi cung cấp dịch vụ	6
1.1.2. Danh mục:	6
1.2. Yêu cầu, tiêu chuẩn sản phẩm/dịch vụ	6
1.3. Thời gian thực hiện HĐ	6
2. CHỈ DẪN ĐỐI VỚI NCC	6
2.1. Yêu cầu chào giá	6
2.1.1. Giá chào	6
2.1.2. Thư giảm giá	6
2.1.3. Biểu giá chào	6
2.1.4. Đồng tiền chào giá và đánh giá	6
2.1.5. Điều kiện thanh toán	7
2.2. Làm rõ HSYC	7
2.3. Nộp HSDX	7
2.3.1. Thời hạn nộp HSDX và hiệu lực của HSDX	7
2.3.2. Quy cách HSDX	7
2.3.3. Ngôn ngữ của HSDX	7
2.3.4. Phương thức và địa chỉ nộp HSDX	7
2.4. Thành phần của bộ HSDX	8
2.5. Làm rõ HSDX	9
2.6. Đánh giá HSDX	9
2.7. Đàm phán với NCC	9
2.8. Điều kiện NCC được lựa chọn	9
2.9. Thông báo kết quả LCNCC	9
2.10. Bảo mật thông tin	9
3. CÁC BƯỚC ĐÁNH GIÁ HSDX	10
3.1. Đánh giá tư cách NCC, tính hợp lệ HSDX	10
3.2. Đánh giá năng lực, kinh nghiệm	10
3.3. Đánh giá về kỹ thuật	10
3.4. Đánh giá tài chính và xác định điểm giá	10

3.4.1. Bước 1. Xác định giá chào – BM03	10
3.4.2. Bước 2. Sửa lỗi số học	10
3.4.3. Bước 3. Hiệu chỉnh sai lệch	11
3.4.4. Bước 4. Xác định giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá (nếu có).....	11
3.4.5. Bước 5. Xác định điểm giá	11
3.4.6. Bước 6. Xác định điểm tổng hợp	11
3.4.7. Bước 7. Đàm phán với các NCC và xếp hạng lại	12
4. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ CHI TIẾT MỘT SỐ HẠNG MỤC	13
4.1. Đánh giá về tư cách NCC, tính hợp lệ HSĐX	13
4.2. Đánh giá về năng lực, kinh nghiệm	15
4.3. Yêu cầu về kỹ thuật và phương phương pháp đánh giá về kỹ thuật.....	17
CÁC BIỂU MẪU	18
ĐƠN CHÀO GIÁ.....	18
GIẤY ỦY QUYỀN	19
BIỂU GIÁ CHÀO	20
BÁO CÁO HỢP ĐỒNG TƯƠNG TỰ DO NHÀ CUNG CẤP THỰC HIỆN	22
HỢP ĐỒNG KHÔNG HOÀN THÀNH TRONG QUÁ KHỨ	23
CAM KẾT CỦA NHÀ CUNG CẤP.....	24
TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA NHÀ CUNG CẤP.....	26
THỎA THUẬN LIÊN DANH	27
BẢO LÃNH DỰ CHÀO GIÁ.....	29
THƯ CAM KẾT BỒI THƯỜNG DO CHẬM TIẾN ĐỘ.....	30
CÁC PHỤ LỤC	31
PHỤ LỤC 01	31
PHỤ LỤC 02	66

GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ, TỪ VIẾT TẮT

STT	Thuật ngữ/ Từ viết tắt	Nghĩa đầy đủ
1.	HSDX	Hồ sơ đề xuất
2.	HSYC	Hồ sơ yêu cầu chào giá
3.	NCC	Nhà cung cấp
4.	TCTHK/TCT/VNA	Tổng công ty Hàng không Việt Nam - CTCP
5.	DV	Dịch vụ
6.	NSD	Người sử dụng
7.	Ngày	Ngày dương lịch theo lịch
8.	HĐ	Hợp đồng
9.	PLHĐ	Phụ lục hợp đồng
10.	HHDV	Hàng hóa dịch vụ
11.	Website	Website Thương mại điện tử Vietnam Airlines
12.	NDC	New Distribution Capability
13.	CutOver	Là ngày đưa Website chính thức vào hoạt động
14.	IBE	Internet Booking Engine
15.	FFP	Frequent Flyer Program
16.	LCNCC	Lựa chọn nhà cung cấp
17.	VND	Việt Nam đồng
18.	USD	Đô la Mỹ
19.	EUR	Đồng Euro - Đồng tiền chung châu Âu

Số: 08/TCTHK-TỔ NCTK WEBSITE

Hà Nội, ngày 07 tháng 01 năm 2025

THƯ MỜI THAM GIA CHÀO GIÁ

Kính gửi: Quý Công ty

Tổng công ty Hàng không Việt Nam-CTCP xin gửi tới Quý công ty lời chào trân trọng và kính mời Quý công ty tham gia chào giá gói dịch vụ: “Thuê dịch vụ phát triển và hosting, bảo trì, đảm bảo hoạt động Website Thương mại điện tử Vietnam Airlines giai đoạn T6/2025-T5/2030”.

Các yêu cầu chi tiết về dịch vụ được nêu tại Hồ sơ yêu cầu gửi kèm theo.

Đề nghị quý NCC quan tâm gửi Hồ sơ đề xuất tới địa chỉ:

1. Nhận trực tiếp hoặc qua đường bưu điện

- Thời gian hết hạn nhận hồ sơ đề xuất là 15h00, ngày 03/02/2025 (Giờ Hà Nội).
- Địa chỉ nhận hồ sơ đề xuất: Tổ LCNCC Website - Tổng công ty Hàng không Việt Nam; Tầng 4 tòa nhà VN2, Số 200 Nguyễn Sơn, Phường Bồ Đề, Quận Long Biên, Tp. Hà Nội.
- Đầu mối liên hệ: Ông Phạm Xuân Hưng, Điện thoại: 0934450777, Email: hungpx@vietnamairlines.com.

2. Nhận qua thư điện tử

- Thời gian hết hạn nhận hồ sơ đề xuất là 15h00, ngày 03/02/2025 (Giờ Hà Nội).
- Hình thức nhận: NCC gửi thư điện tử đính kèm bản scan từ bản gốc HSDX tới địa chỉ email: hungpx @vietnamairlines.com với Tiêu đề “Công ty ... nộp HSDX gói DV "Thuê dịch vụ phát triển và hosting, bảo trì, đảm bảo hoạt động Website Thương mại điện tử Vietnam Airlines giai đoạn T6/2025-T5/2030”. Dung lượng tài liệu đính kèm thư điện tử yêu cầu < 20MB/01 email.
- Đầu mối liên hệ: Ông Phạm Xuân Hưng, Điện thoại: 0934450777, Email: hungpx@vietnamairlines.com.

Trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Quý công ty.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu Tổ NCTK (HUNG PX).

TM. TỔ LCNCC
TỔ TRƯỞNG



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Đinh Văn Tuấn

1. YÊU CẦU CHUNG VỀ SẢN PHẨM / DỊCH VỤ

1.1. Nội dung, danh mục sản phẩm/dịch vụ, số lượng

1.1.1. Phạm vi cung cấp dịch vụ

Thuê dịch vụ phát triển và hosting, bảo trì, đảm bảo hoạt động Website Thương mại điện tử Vietnam Airlines giai đoạn T6/2025-T5/2030.

1.1.2. Danh mục: Website Thương mại điện tử Vietnam Airlines.

1.2. Yêu cầu, tiêu chuẩn sản phẩm/dịch vụ

Yêu cầu chi tiết về kỹ thuật quy định tại Mục 4.3 HSYC.

1.3. Thời gian thực hiện HĐ

- Thời gian xây dựng website và đào tạo hệ thống đưa vào sử dụng: tối đa 08 tháng kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực.
- Thời gian thuê DV: 60 tháng kể từ ngày hoàn thành việc cài đặt, đào tạo hệ thống và ký biên bản nghiệm thu tổng thể (dự kiến từ 01/6/2025).

2. CHỈ DẪN ĐỐI VỚI NCC

2.1. Yêu cầu chào giá

2.1.1. Giá chào

Giá chào là giá do NCC nêu trong Đơn chào giá (BM01) kèm theo Biểu giá chào (BM03) sau khi trừ giá trị giảm giá ghi trong Đơn chào giá hoặc Thư giảm giá (nếu có).

2.1.2. Thư giảm giá

- Trường hợp Thư giảm giá nộp trước thời điểm đóng chào giá. Thư giảm giá sẽ được đưa vào xác định giá tại bước xếp hạng NCC lần thứ nhất theo qui định tại Mục 3.4.
- Trường hợp Thư giảm giá nộp tại thời điểm Đàm phán theo qui định tại Mục 3.4 và NCC là một trong ba NCC xếp hạng cao nhất tại bước xếp hạng lần 1, Thư giảm giá sẽ được xem xét làm cơ sở đàm phán giá gói dịch vụ để làm căn cứ xếp hạng NCC sau đàm phán.

2.1.3. Biểu giá chào

- Biểu giá chào phải được ghi đầy đủ theo mẫu BM03, có chữ ký của người đại diện hợp pháp của NCC, bao gồm đầy đủ các thành phần cấu thành nên giá chào (Không bao gồm thuế, phí).
- TCT sẽ chủ động tính toán các loại thuế, phí và đưa vào nội dung đánh giá đảm bảo tính đúng, tính đủ. Nếu được công nhận trúng chào giá thì NCC phải chịu trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ thuế theo qui định.

2.1.4. Đồng tiền chào giá và đánh giá

- Đồng tiền chào giá: VND hoặc USD hoặc EUR.
- Đồng tiền đánh giá: VND. Trường hợp đồng tiền nêu trong Đơn chào giá/Biểu giá chào, các hợp đồng tương tự hoặc xác nhận thanh toán của Chủ đầu tư đối với những hợp đồng cung cấp dịch vụ đã thực hiện hoặc tờ khai nộp thuế hoặc các tài liệu liên quan chứng minh năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu không phải VND thì VNA sẽ

quy đổi về VND để làm cơ sở đánh giá HSDX. Việc quy đổi được áp dụng tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP Vietcombank tại ngày mở chào giá.

2.1.5. Điều kiện thanh toán

Thanh toán theo hình thức chuyển khoản và được thực hiện như sau:

- Chi phí thuê dịch vụ: Được phân bổ đều và thanh toán trả sau hàng Tháng hoặc hàng Quý sau khi 2 bên ký biên bản nghiệm thu chất lượng dịch vụ Tháng (không thực hiện tạm ứng).
- Trường hợp số ngày sử dụng dịch vụ thực tế của TCTHK không đủ số ngày trong tháng, giá dịch vụ của tháng sẽ được tính theo: (đơn giá thuê theo tháng của các hạng mục thuê trong tháng chia (:)) số ngày của tháng sử dụng dịch vụ nhân (x) số ngày thực tế sử dụng trong tháng.

2.2. Làm rõ HSYC

- Trong trường hợp cần làm rõ HSYC, NCC phải gửi đề nghị làm rõ bằng email đảm bảo TCT nhận được trước tối thiểu 03 (ba) ngày làm việc trước thời hạn nộp HSDX quy định tại mục 2.3. Nội dung làm rõ HSYC sẽ được TCT gửi bằng email tới tất cả các NCC đã nhận HSYC. Trường hợp việc làm rõ dẫn đến phải sửa đổi HSYC thì TCT sẽ gửi những nội dung sửa đổi đến tất cả các NCC đã nhận HSYC không muộn hơn 03 (ba) ngày làm việc trước thời hạn nộp HSDX.
- Ngôn ngữ của HSYC là tiếng Việt và tiếng Anh. Trong trường hợp có sự xung đột giữa bản tiếng Việt và bản tiếng Anh thì bản tiếng Việt được ưu tiên hơn.

2.3. Nộp HSDX

2.3.1. Thời hạn nộp HSDX và hiệu lực của HSDX

- Thời hạn nộp HSDX: trước 15h00, ngày 03/02/2025 (Giờ Hà Nội) (Giờ Hà Nội). HSDX gửi đến sau thời hạn nộp HSDX là không hợp lệ và bị loại.
- Hiệu lực của HSDX: 180 ngày kể từ ngày có thời điểm hết hạn nộp HSDX.

2.3.2. Quy cách HSDX

Nộp bản gốc và 01 USB/ đĩa DVD chứa bản demo (nộp trực tiếp) hoặc hồ sơ scan từ bản gốc và file chứa bản demo (nộp qua email). Bản demo là bản demo các chức năng phần mềm, mẫu thiết kế của website mà NCC đang đề xuất cho Vietnam Airlines hoặc website NCC đã triển khai cho các Hãng hàng không khác.

2.3.3. Ngôn ngữ của HSDX: tiếng Việt hoặc tiếng Anh.

2.3.4. Phương thức và địa chỉ nộp HSDX

Thực hiện theo một trong hai phương thức sau:

- Nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến địa chỉ:
 - Tổ LCNCC Website - Tổng Công ty Hàng không Việt Nam.
 - Địa chỉ: Tầng 4 tòa nhà VN2, Số 200 Nguyễn Sơn, Phường Bồ Đề, Quận Long Biên, Tp. Hà Nội. Đầu mối liên hệ: Ông Phạm Xuân Hưng, Điện thoại: 0934450777, Email: hungpx@vietnamairlines.com.
- Nộp HSDX bằng cách gửi thư điện tử đính kèm bản scan từ bản gốc HSDX tới địa chỉ:

- Email: hungpx@vietnamairlines.com;
- Đầu mối liên hệ: Ông Phạm Xuân Hưng, Điện thoại: 0934450777, Email: hungpx@vietnamairlines.com.

Hồ sơ phải đảm bảo có chữ ký của người đại diện pháp luật công ty hoặc người được ủy quyền. Người được ủy quyền cần tuân thủ theo mẫu BM02 tại mục 2.4. Dung lượng tài liệu đính kèm thư điện tử yêu cầu < 20MB/01 email, nhà cung cấp có thể gửi tách nhiều email trong trường hợp dung lượng file đính kèm vượt quá 20 MB.

Trường hợp NCC gửi HSDX theo cả hai phương thức nêu trên và đều đến trước thời hạn nộp HSDX thì TCT sẽ đánh giá HSDX hợp lệ được gửi đến sau cùng.

2.4. Thành phần của bộ HSDX

Bộ HSDX do NCC chuẩn bị bao gồm các tài liệu sau:

Stt	Mã tài liệu	Tên tài liệu	Tham chiếu
1	TL1	Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của NCC, tính hợp lệ của HSDX	Mục 4.1
2	TL2	Tài liệu chứng minh về năng lực, kinh nghiệm	Mục 4.2
3	TL3	Tài liệu chứng minh đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật	Mục 4.3
4	TL4	Đơn chào giá	BM01
5	TL5	Giấy ủy quyền (nếu có)	BM02
6	TL6	Biểu giá chào	BM03
7	TL7	Báo cáo HĐ tương tự do NCC thực hiện	BM04
8	TL8	Hợp đồng không hoàn thành trong quá khứ	BM05
9	TL9	Cam kết của NCC	BM06
10	TL10	Tình hình tài chính của nhà cung cấp	BM07
11	TL11	Thỏa thuận Liên danh (đối với NCC Liên danh)	BM08
12	TL12	Bảo lãnh dự chào giá	BM09
14	TL13	Thư cam kết bồi thường do chậm tiến độ	BM10
15	TL14	Bản mô tả giải pháp kỹ thuật	
16	TL15	Tài liệu về Phương án hosting, bảo trì, đảm bảo hoạt động website	

2.5. Làm rõ HSDX

- Trong quá trình đánh giá HSDX, TCTHK có thể yêu cầu NCC bổ sung, làm rõ nội dung của HSDX với điều kiện không làm thay đổi nội dung cơ bản của HSDX đã nộp, không thay đổi giá chào.
- Hình thức làm rõ HSDX: Làm việc trực tiếp với NCC để trao đổi và ký biên bản làm việc hoặc gửi văn bản/email yêu cầu làm rõ và NCC phải trả lời bằng văn bản/email. Những tài liệu làm rõ được lưu coi như một phần của HSDX. Trường hợp NCC không làm rõ theo thời hạn thì nội dung yêu cầu làm rõ được đánh giá theo HSDX của NCC.

2.6. Đánh giá HSDX

Việc đánh giá HSDX được thực hiện lần lượt theo các bước quy định tại Mục 3, bao gồm:

- Đánh giá tư cách NCC, tính hợp lệ HSDX.
- Đánh giá năng lực, kinh nghiệm.
- Đánh giá về kỹ thuật.
- Đánh giá tài chính và xác định điểm giá. Xác định điểm tổng hợp và xếp hạng NCC.

2.7. Đàm phán với NCC

Trường hợp có 3 NCC trở lên đáp ứng yêu cầu của HSYC, TCT sẽ mời 3 NCC xếp hạng cao nhất vào đàm phán. Trường hợp có ít hơn 3 NCC đáp ứng yêu cầu của HSYC, TCT sẽ đàm phán với tất cả các NCC đáp ứng yêu cầu.

2.8. Điều kiện NCC được lựa chọn

- Có tư cách NCC, HSDX hợp lệ theo qui định tại Mục 3.1.
- Đáp ứng yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm theo qui định tại Mục 3.2.
- Đáp ứng yêu cầu về yêu cầu kỹ thuật theo qui định tại Mục 3.3.
- NCC có điểm tổng hợp cao nhất xếp hạng thứ nhất sau đàm phán.
- Giá sau đàm phán bao gồm thuế, phí không vượt giá gói DV được phê duyệt.

2.9. Thông báo kết quả LCNCC

- Sau khi có quyết định phê duyệt kết quả LCNCC, TCTHK gửi văn bản thông báo kết quả LCNCC đến tất cả các NCC tham gia nộp HSDX. Đối với NCC được lựa chọn, thông báo sẽ ghi rõ thời gian, địa điểm hoàn thiện hợp đồng.
- TCTHK có quyền chấp nhận hoặc từ chối bất kỳ HSDX nào hoặc hủy bỏ quá trình chào giá và từ chối tất cả các HSDX bất cứ thời điểm nào trước thời điểm thỏa thuận Hợp đồng, mà không phải chịu bất kỳ trách nhiệm nào đối với NCC cũng như không cần giải thích lý do cho NCC. TCTHK sẽ thông báo cho NCC trong trường hợp hủy bỏ tất cả các HSDX hoặc hủy bỏ quá trình LCNCC.

2.10. Bảo mật thông tin

Thông tin liên quan đến HSYC và việc đánh giá HSDX phải được giữ bí mật và không được phép tiết lộ cho bất kỳ người nào không có liên quan chính thức đến quá trình LCNCC. Trong mọi trường hợp không được tiết lộ thông tin trong HSYC, HSDX cho NCC khác.

3. CÁC BƯỚC ĐÁNH GIÁ HSDX

Việc đánh giá HSDX được Bên mời chào giá thực hiện theo trình tự như sau:

3.1. Đánh giá tư cách NCC, tính hợp lệ HSDX

- Việc đánh giá tư cách NCC, tính hợp lệ HSDX được thực hiện theo Tiêu chuẩn đánh giá về tư cách NCC, tính hợp lệ HSDX quy định chi tiết tại mục 4.1.
- HSDX sẽ bị loại nếu không đáp ứng một trong các nội dung nêu trên. HSDX đáp ứng tất cả các nội dung nói trên sẽ được xem xét đánh giá năng lực, kinh nghiệm tại mục 3.2.

3.2. Đánh giá năng lực, kinh nghiệm

- Việc đánh giá năng lực, kinh nghiệm được thực hiện theo Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực, kinh nghiệm quy định chi tiết tại mục 4.2.
- HSDX sẽ bị loại bỏ nếu không đạt bất kỳ tiêu chuẩn đánh giá về năng lực, kinh nghiệm quy định tại mục 4.2. HSDX đáp ứng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực, kinh nghiệm sẽ được xem xét đánh giá về kỹ thuật tại mục 3.3.

3.3. Đánh giá về kỹ thuật

- Việc đánh giá về kỹ thuật được thực hiện theo Tiêu chuẩn đánh giá nêu chi tiết tại mục 4.3.
- TCTHK sẽ mời tất cả các NCC đáp ứng vòng đánh giá về kỹ thuật vào trình chiếu sản phẩm DEMO.
- Chỉ những HSDX vượt qua vòng đánh giá về kỹ thuật và có sản phẩm DEMO được đánh giá Đạt mới được đưa vào đánh giá tài chính theo mục 3.4.

3.4. Đánh giá tài chính và xác định điểm giá. Xác định điểm tổng hợp và xếp hạng NCC

3.4.1. Bước 1. Xác định giá chào – BM03

3.4.2. Bước 2. Sửa lỗi số học

Sửa lỗi số học được tiến hành theo nguyên tắc sau đây:

- Lỗi số học:
Lỗi số học bao gồm những lỗi do thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia không chính xác khi tính toán giá chào. Trường hợp không nhất quán giữa đơn giá và thành tiền thì lấy đơn giá làm cơ sở cho việc sửa lỗi. Trường hợp tại cột “đơn giá” và cột “thành tiền” NCC không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là NCC đã phân bổ giá của công việc này vào các công việc khác thuộc gói DV, NCC phải có trách nhiệm thực hiện hoàn thành các công việc này theo đúng yêu cầu nêu trong HSYC trong quá trình thực hiện hợp đồng.
- Các lỗi khác:
 - + Tại cột thành tiền đã được ghi đầy đủ giá trị nhưng không có đơn giá chào tương ứng thì đơn giá chào được xác định bổ sung bằng cách chia thành tiền cho số lượng. Khi có đơn giá chào nhưng cột thành tiền bỏ trống thì giá trị cột thành tiền sẽ được xác định bổ sung bằng cách nhân số lượng với đơn giá chào. Nếu một nội dung nào đó có ghi đơn giá chào và giá trị tại cột thành tiền nhưng bỏ trống số lượng thì số lượng bỏ trống được xác định bổ sung bằng cách chia giá trị tại cột thành tiền cho đơn giá chào của nội dung đó. Trường hợp số

lượng được xác định bổ sung nêu trên khác với số lượng nêu trong HSYC thì giá trị sai khác đó là sai lệch về phạm vi cung cấp và được hiệu chỉnh theo quy định tại Bước 3.

- + Lỗi nhầm đơn vị tính: sửa lại trên cơ sở làm rõ với NCC cho phù hợp với yêu cầu nêu trong HSYC.
 - Lỗi nhầm đơn vị: sử dụng dấu "," (dấu phẩy) thay cho dấu "." (dấu chấm) và ngược lại thì được sửa lại cho phù hợp theo cách viết của Việt Nam. Khi TCT cho rằng dấu phẩy hoặc dấu chấm trong đơn giá chào rõ ràng đã bị đặt sai chỗ thì trong trường hợp này thành tiền của hạng mục sẽ có ý nghĩa quyết định và đơn giá chào sẽ được sửa lại.
 - Nếu có sai sót khi cộng các khoản tiền để ra tổng số tiền thì sẽ sửa lại tổng số tiền theo các khoản tiền.
 - Nếu có sự khác biệt giữa con số và chữ viết thì lấy chữ viết làm cơ sở pháp lý cho việc sửa lỗi. Nếu chữ viết sai thì lấy con số sau khi sửa lỗi theo quy định tại Mục này làm cơ sở pháp lý.

3.4.3. **Bước 3.** Hiệu chỉnh sai lệch

Hiệu chỉnh sai lệch theo nguyên tắc sau đây:

- Trường hợp có sai lệch về phạm vi cung cấp (thiếu hoặc thừa các hạng mục công việc) thì giá trị phần chào thiếu sẽ được cộng thêm vào, giá trị phần chào thừa sẽ được trừ đi theo mức đơn giá chào tương ứng trong HSDX của NCC có sai lệch.
- Trường hợp trong HSDX của NCC có sai lệch thiếu (thiếu hạng mục công việc so với yêu cầu về phạm vi cung cấp) mà không có đơn giá tương ứng trong HSDX của NCC có sai lệch thì thực hiện hiệu chỉnh sai lệch như sau:
 - + Lấy mức đơn giá chào cao nhất đối với hạng mục công việc mà NCC chào thiếu trong số các HSDX khác vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật để làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch. Trường hợp trong HSDX của các NCC vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật không có đơn giá chào của công việc này thì căn cứ vào đơn giá hình thành giá gói DV làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch.
 - + Trường hợp chỉ có một NCC duy nhất vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật thì tiến hành hiệu chỉnh sai lệch trên cơ sở lấy mức đơn giá chào tương ứng trong HSDX của NCC này. Trường hợp HSDX của NCC không có đơn giá chào tương ứng thì lấy mức đơn giá trong dự toán của gói DV được duyệt làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch.
- Trường hợp trong HSDX của NCC có sai lệch thừa (thừa hạng mục công việc so với yêu cầu phạm vi cung cấp) mà không có đơn giá thì không được điều chỉnh.
- + Trường hợp NCC có Thụ giảm giá, việc sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch được thực hiện trên cơ sở giá chào chưa trừ đi giá trị giảm giá. Tỷ lệ phần trăm (%) của sai lệch thiếu được xác định trên cơ sở so với giá chào ghi trong đơn chào.

3.4.4. **Bước 4.** Xác định giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá (nếu có): (G).

3.4.5. **Bước 5.** Xác định điểm giá

Điểm giá được xác định trên cơ sở giá chào giá, trừ đi giảm giá (nếu có) không bao gồm thuế, phí, lệ phí. Cụ thể như sau:

$$\text{Điểm giá}_{\text{đang xét}} = [G_{\text{thấp nhất}} / G_{\text{đang xét}}]$$

Trong đó:

- **Điểm giá**_{đang xét} là điểm giá của HSDX đang xét.
- **G**_{thấp nhất} là giá chào giá sau khi trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất của các HSDX đáp ứng về kỹ thuật.
- **G**_{đang xét} là giá chào giá sau khi trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) của HSDX đang xét.

3.4.6. **Bước 6.** Xác định điểm tổng hợp

Áp dụng phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá để xác định điểm tổng hợp theo công thức sau:

$$\text{Điểm tổng hợp}_{\text{đang xét}} = (30\% \times \text{Điểm kỹ thuật}_{\text{đang xét}} / \text{Điểm kỹ thuật}_{\text{cao nhất}} + 70\% \times \text{Điểm giá}_{\text{đang xét}}) \times 100$$

Trong đó:

- Điểm kỹ thuật_{đang xét} và Điểm kỹ thuật_{cao nhất} là số điểm được xác định tại bước đánh giá về kỹ thuật.
- Điểm giá_{đang xét} là số điểm được xác định tại bước đánh giá về tài chính tại bước 5 (mục 3.4.5).

HSDX có điểm tổng hợp (X) cao nhất được xếp hạng thứ nhất. Trong trường hợp NCC có điểm tổng hợp bằng nhau thì NCC có điểm kỹ thuật cao hơn sẽ xếp hạng cao hơn. Trường hợp điểm kỹ thuật và điểm giá bằng nhau thì NCC có điều kiện thương mại tốt hơn sẽ xếp hạng cao hơn.

3.4.7. **Bước 7.** Đàm phán với các NCC và xếp hạng lại

Căn cứ vào danh sách các NCC đáp ứng yêu cầu của HSYC, TCTHK sẽ tiến hành đàm phán theo quy định tại Mục 2.7. Việc đàm phán dựa trên các cơ sở sau đây:

- HSDX và các tài liệu làm rõ HSDX (nếu có) của NCC.
- HSYC.
- Các nội dung đàm phán bao gồm giảm giá và đạt được các điều kiện tốt hơn về kỹ thuật, thương mại.
- TCT xếp hạng lại các NCC trên cơ sở kết quả đàm phán.
- Trong trường hợp có từ 2 NCC có điểm tổng hợp cao nhất và bằng nhau sau khi cộng giá trị ưu đãi (nếu có) thì việc đánh giá xếp hạng NCC sẽ kết hợp thêm các yếu tố đánh giá bổ sung sau để quyết định xếp hạng lại các NCC theo thứ tự ưu tiên sau:

- 1) NCC có tổng thời gian triển khai ngắn nhất;
- 2) NCC có giá chào Dịch vụ hosting, bảo trì và đảm bảo hoạt động website sau 05 năm thấp nhất;
- 3) NCC có đơn giá nhân công (man-day) trong giờ làm việc thấp nhất;
- 4) NCC có kỳ thanh toán phí dịch vụ dài hơn;
- 5) NCC chào giải pháp ADOBE;
- 6) NCC chào giải pháp SITECORE.

4. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ CHI TIẾT MỘT SỐ HẠNG MỤC

4.1. Đánh giá về tư cách NCC, tính hợp lệ HSDX

Stt	Nội dung đánh giá	Mức độ đáp ứng		Tài liệu để đánh giá
		Đạt	Không đạt	
1.	HSDX được nộp trước thời điểm hết hạn nộp HSDX	Đáp ứng	Không đáp ứng	Thời hạn qui định trong HSYC
2.	Đơn chào giá được người đại diện hợp pháp ký (người đại diện theo pháp luật hoặc Người được ủy quyền ký)	Đáp ứng	Không đáp ứng	Đơn chào giá và Giấy ủy quyền (nếu có)
3.	Biểu giá chào có chữ ký của người đại diện hợp pháp của NCC, bao gồm đầy đủ các thành phần cấu thành nên giá chào	Đáp ứng	Không đáp ứng	Biểu giá chào
4.	Đồng tiền chào giá là VND hoặc USD hoặc EUR	Đáp ứng	Không đáp ứng	Đơn chào giá
5.	Ngôn ngữ chào giá là Tiếng Việt hoặc Tiếng Anh	Đáp ứng	Không đáp ứng	HSDX
6.	Hiệu lực của HSDX	≥ 180 ngày	< 180 ngày	Đơn chào giá
7.	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy đăng ký hoạt động hợp pháp được cấp bởi cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật	Có	Không có	Cung cấp bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy đăng ký hoạt động hợp pháp được cấp bởi cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật của quốc gia mà NCC đăng ký hoạt động.
8.	Không có tranh chấp, khiếu kiện, xung đột quyền lợi hoặc đang có vi phạm hợp đồng với TCT	Có	Không có	Văn bản cam kết theo Mẫu BM06
9.	Không có tên trong 02 HSDX với tư cách độc lập hoặc là thành viên trong liên danh	Đáp ứng	Không đáp ứng	Đơn chào giá
10.	- Cam kết có đầy đủ và hợp pháp các quyền sở hữu trí tuệ đối với phần mềm Website. - Trường hợp có khiếu kiện của Bên thứ 3 về việc vi phạm quyền sở hữu trí tuệ, NCC cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm giải quyết khiếu kiện và chịu mọi chi phí liên quan đến việc khắc phục hậu quả vi phạm.	Có	Không có	Văn bản cam kết theo Mẫu BM06

Stt	Nội dung đánh giá	Mức độ đáp ứng		Tài liệu để đánh giá
		Đạt	Không đạt	
11.	Cam kết thời gian triển khai cài đặt và đào tạo hệ thống: tối đa 08 tháng kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực	Có	Không có	Văn bản cam kết theo Mẫu BM06
12.	Thỏa thuận liên danh được đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu là Liên danh tham gia chào giá)	Có	Không có	Thỏa thuận theo mẫu BM08
13.	Cam kết không yêu cầu TCTHK thực hiện tạm ứng và chi phí thuê dịch vụ được phân bổ đều, thanh toán trả sau hàng tháng hoặc hàng Quý sau khi 2 bên ký biên bản nghiệm thu chất lượng dịch vụ tháng	Có cam kết với đầy đủ nội dung theo yêu cầu	Không có cam kết hoặc có cam kết nhưng không đầy đủ nội dung theo yêu cầu	Văn bản cam kết theo Mẫu BM06
14.	Cam kết chịu mọi chi phí liên quan đến việc thiết kế giao diện, phát triển, tích hợp với các hệ thống/ứng dụng/chức năng của đối tác thứ 3 đang có trên website hiện tại lên website mới trong giai đoạn triển khai	Có	Không có	Văn bản cam kết theo Mẫu BM06
15.	Cam kết chịu mọi chi phí liên quan đến việc thiết kế giao diện, bổ sung, chỉnh sửa chức năng cho Website miễn phí trong suốt thời gian thuê dịch vụ (không làm thay đổi kiến trúc của Website đã được hai bên thống nhất)	Có	Không có	Văn bản cam kết theo Mẫu BM06
16.	Cam kết chịu mọi chi phí liên quan đến các yêu cầu thay đổi (change request) của TCTHK tối đa 260 man-day trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày Hai Bên ký Biên bản nghiệm thu tổng thể	Có	Không có	Văn bản cam kết theo Mẫu BM06
17.	Có nộp bảo lãnh dự chào giá có giá trị tối thiểu 4 tỷ VND trước thời điểm đóng chào giá và là Thư bảo lãnh được đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam ký tên, đóng dấu với giá trị bảo lãnh, thời	Có đầy đủ theo đúng yêu cầu	Không có hoặc có Bảo lãnh nhưng không đầy đủ theo đúng yêu cầu	Nộp Bảo lãnh chào giá theo Mẫu BM09

Stt	Nội dung đánh giá	Mức độ đáp ứng		Tài liệu để đánh giá
		Đạt	Không đạt	
	hạn có hiệu lực và đơn vị thụ hưởng theo đúng mẫu Bảo lãnh qui định tại HSYC			
18.	Cam kết nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng tương đương với 3% giá trị hợp đồng nếu được công nhận trúng chào giá. Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến khi hoàn thành nghiệm thu tổng thể dịch vụ	Có cam kết	Không có hoặc có cam kết nhưng không đúng theo yêu cầu	Văn bản cam kết theo Mẫu BM06
19.	Cam kết bồi thường toàn bộ chi phí phát sinh và chịu phạt 0,26% tổng giá trị Hợp đồng cho mỗi ngày chậm tiến độ nghiệm thu, triển khai cài đặt và đào tạo hệ thống trong vòng tối đa 08 tháng kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực mà do lỗi của NCC	Có cam kết	Không có hoặc có cam kết nhưng không đúng theo yêu cầu	Văn bản cam kết theo Mẫu BM10
20.	Cam kết chuyển giao quyền sử dụng và sở hữu toàn bộ hình ảnh, thương hiệu; thiết kế website; dữ liệu, source code (không bao gồm nền tảng CMS và CEM) của Website và Sub-site... khi hết hợp đồng thuê dịch vụ	Có cam kết	Không có hoặc có cam kết nhưng không đúng theo yêu cầu	Văn bản cam kết theo Mẫu BM06

NCC được đánh giá “Đạt” và được đánh giá tại các bước tiếp theo khi đáp ứng tất cả các nội dung trên.

4.2. Đánh giá về năng lực, kinh nghiệm

Stt	Danh mục	Nội dung đánh giá	Các yêu cầu cần tuân thủ			Tài liệu cung cấp
			NCC độc lập	Nhà CC liên danh		
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	
1	Lịch sử không hoàn thành hợp đồng	Từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến thời điểm đóng chào giá, NCC không có hợp đồng không hoàn thành	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Mẫu số 05
2	Năng lực tài chính	Nộp bản sao Báo cáo tài chính hoặc tài liệu kê khai quyết toán thuế các năm 2021, 2022, 2023 để chứng minh tình hình tài chính lành mạnh của NCC.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Mẫu số 07 kèm theo bản sao Báo cáo tài chính hoặc tài liệu kê khai

		Giá trị tài sản ròng của NCC năm 2023 phải dương.				quyết toán thuế từ năm 2021 đến năm 2023
3	Doanh thu bình quân hằng năm	Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của 03 năm tài chính (2021,2022,2023) có giá trị tối thiểu 41 tỷ VND	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Mẫu số 07
4	Kinh nghiệm trong thực hiện hợp đồng tương tự	Trong vòng 10 năm đến thời điểm đóng chào giá NCC có 01 hợp đồng cung cấp dịch vụ phát triển và đảm bảo hoạt động website thương mại điện tử cho 1 hãng hàng không trong hoặc ngoài nước, trong đó: (i) hợp đồng có giá trị tối thiểu 14 tỷ VND/năm (bao gồm thuế, phí) hoặc (ii) hãng hàng không có đội tàu bay thương mại đạt tối thiểu 50 tàu bay”	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu (tương đương với phần công việc đảm nhận)	- Mẫu số 04. Bản sao hợp đồng cung cấp dịch vụ phát triển và đảm bảo hoạt động website thương mại điện tử hoặc các tài liệu tương đương để chứng minh kinh nghiệm thực hiện hợp đồng cung cấp hàng hóa tương tự.
5	Khả năng bảo trì phần mềm hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng khác	Tài liệu về Phương án hosting, bảo trì, đảm bảo hoạt động website phải đáp ứng yêu cầu quy định tại Phụ lục 01 – “Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp đánh giá về kỹ thuật” NCC đề xuất nếu trúng chào giá	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	
6	Chứng chỉ	- NCC có chuyên gia được cấp chứng chỉ để xây dựng website đáp ứng tiêu chuẩn WCAG 2 theo yêu cầu của US DOT; - NCC có tối thiểu 03 chuyên gia được cấp chứng chỉ triển khai của một trong các nền tảng công nghệ Sitecore hoặc Adobe (phù hợp với giải pháp do NCC đề xuất) phiên bản mới nhất về phát triển website.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Bản sao chứng chỉ còn hiệu lực

7	Giấy ủy quyền và Thư cam kết	Trường hợp NCC không phải nhà sản xuất ADOBE hoặc SITECORE thì phải cung cấp giấy ủy quyền hoặc giấy phép bán hàng của nhà sản xuất hoặc giấy chứng nhận quan hệ đối tác hoặc các tài liệu khác có giá trị tương đương và phải cung cấp Thư cam kết của ADOBE hoặc SITECORE (đồng bộ với giải pháp mà NCC chào) về hỗ trợ NCC trong quá trình cài đặt, triển khai, đào tạo và bảo trì, sử dụng phần mềm trước khi ký hợp đồng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Bản sao Giấy ủy quyền (hoặc giấy phép bán hàng) và Thư cam kết còn hiệu lực
---	------------------------------	---	---------------------------	---------------------------	---------------	---

NCC được đánh giá “Đạt” và được đánh giá tại các bước tiếp theo khi đáp ứng tất cả các nội dung trên.

4.3. Yêu cầu về kỹ thuật và phương pháp đánh giá về kỹ thuật

Phụ lục (01) – Tiêu chuẩn đánh giá yêu cầu kỹ thuật kèm theo.

NCC được đánh giá “Đạt” và được đưa vào đánh giá tài chính theo Mục 3.4 khi có điểm tối thiểu $\geq 700/1000$ điểm đối với Khoản A “Yêu cầu kỹ thuật có chấm điểm” và đáp ứng tất cả các nội dung đối với Khoản B “Yêu cầu kỹ thuật bắt buộc”.

CÁC BIỂU MẪU

Mẫu số 1 (BM01)

ĐƠN CHÀO GIÁ

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: _____ [*Ghi tên Bên mời chào giá*]
(sau đây gọi là *Bên mời chào giá*)

Sau khi nghiên cứu Hồ sơ yêu cầu và văn bản sửa đổi Hồ sơ yêu cầu số ____ [*Ghi số, ngày của văn bản sửa đổi, nếu có*] mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, ____ [*Ghi tên nhà cung cấp*], cam kết thực hiện gói sản phẩm/dịch vụ ____ [*Ghi tên gói hàng hóa, dịch vụ*] theo đúng yêu cầu của Hồ sơ yêu cầu với tổng số tiền là ____ [*Ghi giá trị bằng số, bằng chữ*] cùng với biểu giá kèm theo.

Nếu Hồ sơ đề xuất của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi cam kết cung cấp dịch vụ theo đúng các điều khoản được thỏa thuận trong hợp đồng.

Hồ sơ đề xuất này có hiệu lực trong thời gian ____ ngày [*Ghi số ngày*], kể từ ____ giờ, ngày ____ tháng ____ năm ____ [*Ghi thời điểm hết hạn nộp Hồ sơ đề xuất*].

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp⁽¹⁾

[*Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu*]

Ghi chú:

(1) Trường hợp đại diện theo pháp luật của nhà cung cấp ủy quyền cho cấp dưới ký đơn chào giá thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền theo Mẫu số 2 Phần này. Trường hợp tại Điều lệ công ty, Quyết định thành lập chi nhánh hoặc tại các tài liệu khác liên quan có phân công trách nhiệm cho cấp dưới ký Đơn chào giá thì phải gửi kèm theo bản chụp các văn bản, tài liệu này (không cần lập Giấy ủy quyền theo Mẫu số 2 Phần này). Trước khi ký kết hợp đồng, nhà cung cấp trúng chào giá phải trình chủ đầu tư bản chụp được chứng thực của các văn bản, tài liệu này. Trường hợp phát hiện thông tin kê khai ban đầu là không chính xác thì nhà cung cấp bị coi là vi phạm khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định của Nhà nước.

GIẤY ỦY QUYỀN⁽¹⁾

Hôm nay, ngày ____ tháng ____ năm ____, tại ____

Tôi là ____ [Ghi tên, số CMND/CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà cung cấp], là người đại diện theo pháp luật của ____ [Ghi tên nhà cung cấp] có địa chỉ tại ____ [Ghi địa chỉ của nhà cung cấp] bằng văn bản này ủy quyền cho ____ [Ghi tên, số CMND/CCCD hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền] thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham gia chào giá gói dịch vụ ____ [Ghi tên gói sản phẩm/dịch vụ] do ____ [Ghi tên Bên mời chào giá] tổ chức:

[- Ký đơn Chào giá, Biểu giá chào;

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Bên mời chào giá trong quá trình tham gia chào giá, kể cả văn bản giải trình, làm rõ HSĐX;

- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;

- Ký kết hợp đồng với Bên mời chào giá/Chủ đầu tư nếu được lựa chọn.]⁽²⁾

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của ____ [Ghi tên nhà cung cấp]. ____ [Ghi tên nhà cung cấp] chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do ____ [Ghi tên người được ủy quyền] thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày ____ đến ngày ____⁽³⁾. Giấy ủy quyền này được lập thành ____ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ ____ bản, người được ủy quyền giữ ____ bản.

Người được ủy quyền

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu
(nếu có)]

Người ủy quyền

[Ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà
cung cấp, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho Bên mời chào giá cùng với đơn chào giá theo quy định tại điểm b Mục 5.1.1. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà cung cấp cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà cung cấp để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà cung cấp thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà cung cấp hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền do người ủy quyền quyết định, bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình tham gia Chào giá.

BIỂU GIÁ CHÀO

1. Nội dung cung cấp

Thuê dịch vụ phát triển và hosting, bảo trì, đảm bảo hoạt động Website Thương mại điện tử Vietnam Airlines giai đoạn T6/2025-T5/2030:

Stt	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)
1	Thiết kế và xây dựng website (phí triển khai): - Thiết kế mới, giao diện UX/UI mới và CMS tiên tiến: Phát triển trên nền tảng CMS Sitecore hoặc Adobe phiên bản mới nhất; - Đáp ứng các tiêu chuẩn của Bộ GTVT Mỹ về truy cập đối với người khuyết tật (US DOT và Accessibility); - Triển khai tích hợp CEM (Customer Experience Management): phát triển cùng nền tảng với hệ thống CMS của website (Sitecore hoặc Adobe phiên bản mới nhất); Triển khai, cài đặt, đào tạo và chuyển giao sử dụng.	Gói DV	01		
2	Dịch vụ hosting, bảo trì và đảm bảo hoạt động website trong 05 năm				
2.1	Bản quyền phần mềm Content Management System và Customer Experience Management	Tháng	60		
2.2	Hệ thống Cloud Hosting	Tháng	60		
2.3	Bảo trì, đảm bảo hoạt động website trong 05 năm: Đảm bảo hoạt động các chức năng của website, bao gồm cả việc coding hỗ trợ thay đổi giao diện, hiệu chỉnh hoặc nâng cấp bổ sung các tính năng trên website	Tháng	60		
3	Tổng cộng phí thuê DV (1 + 2)				
	<i>Bằng chữ:</i>				
4	Dịch vụ hosting, bảo trì và đảm bảo hoạt động website sau 05 năm	Tháng	60		
	<i>Bằng chữ:</i>				

Lưu ý: Không chấp thuận bất cứ chi phí phát sinh khác ngoài các khoản nêu trên.

1. Giá trị giảm giá (nếu có).
2. Cam kết của Nhà cung cấp về đáp ứng đầy đủ các yêu cầu cung cấp hàng hóa/dịch vụ theo đúng Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật quy định tại Mục 4.2 HSYC.
3. Nhà cung cấp được khuyến khích đưa ra các điều kiện khác có lợi cho bên thứ ba thụ hưởng hàng hóa/dịch vụ (nếu có).
4. NCC phải chào đơn giá nhân công (man-day) cố định áp dụng từ tháng thứ 13 đến khi chấm dứt dịch vụ.
5. NCC cam kết tiếp tục cung cấp dịch vụ trong 5 năm tiếp theo với giá trần, không vượt quá giá chào “Dịch vụ hosting, bảo trì và đảm bảo hoạt động website trong 05 năm” giai đoạn 2025-2030 trong trường hợp TCTHK có nhu cầu gia hạn hợp đồng.
6. Hiệu lực của biểu giá chào là 180 ngày kể từ thời điểm _____ giờ, ngày _____ tháng _____ năm _____

Đại diện hợp pháp của Nhà cung cấp
[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

BÁO CÁO HỢP ĐỒNG TƯƠNG TỰ DO NHÀ CUNG CẤP THỰC HIỆN

Tên NCC: _____

STT	Tên và số hợp đồng	Ngày ký hợp đồng	Tên đối tác ký hợp đồng	Địa chỉ đối tác	Điện thoại /fax/email của đối tác	Giá trị hợp đồng (VND)
1						
2						
3						

Đại diện hợp pháp của Nhà cung cấp

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

HỢP ĐỒNG KHÔNG HOÀN THÀNH TRONG QUÁ KHỨ⁽¹⁾

Tên NCC: _____

Các hợp đồng không hoàn thành trong quá khứ theo quy định tại Mục 4.2 - Đánh giá về năng lực, kinh nghiệm

☐ Không có hợp đồng nào đã ký nhưng không thực hiện kể từ ngày 1 tháng 1 năm___[ghi năm] theo quy định tại tiêu chí đánh giá 1 trong Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực, kinh nghiệm tại Mục 4.2 - Đánh giá về năng lực, kinh nghiệm.

☐ Có hợp đồng đã ký nhưng không hoàn thành tính từ ngày 1 tháng 1 năm___[ghi năm] theo quy định tại tiêu chí đánh giá 1 trong Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực, kinh nghiệm tại Mục 4.2 - Đánh giá về năng lực, kinh nghiệm.

Năm	Phần việc hợp đồng không hoàn thành	Mô tả hợp đồng	Tổng giá trị hợp đồng (giá trị hiện tại, đơn vị tiền tệ, tỷ giá hối đoái, giá trị tương đương bằng VND)
		Mô tả hợp đồng: Tên Chủ đầu tư: Địa chỉ: Nguyên nhân không hoàn thành hợp đồng:	

Ghi chú:

(1) NCC phải kê khai chính xác, trung thực các hợp đồng không hoàn thành trong quá khứ; nếu Bên mời chào giá thầu phát hiện bất cứ NCC nào có hợp đồng không hoàn thành trong quá khứ mà không kê khai thì được coi là hành vi “gian lận” và HSĐX sẽ bị loại.

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu(nếu có)]

CAM KẾT CỦA NHÀ CUNG CẤP

Tên NCC: _____

Sau khi nghiên cứu kỹ HSYC gói dịch vụ “Thuê dịch vụ phát triển và hosting, bảo trì, đảm bảo hoạt động Website Thương mại điện tử Vietnam Airlines giai đoạn T6/2025-T5/2030” và căn cứ trên các sản phẩm chào cho TCTHK, chúng tôi cam kết:

1	Về vấn đề tranh chấp chưa được giải quyết xong với TCTHK			
	Không có vụ việc tranh chấp chưa được giải quyết xong với TCTHK.			☐
	Có vụ việc tranh chấp chưa được giải quyết xong với TCTHK: Mô tả về vụ việc tranh chấp chưa được giải quyết mà NCC là một bên đương sự			☐
	Năm	Vấn đề tranh chấp	Giá trị vụ việc tranh chấp, chưa được giải quyết xong tính bằng VND	Tỷ lệ của vụ việc tranh chấp chưa được giải quyết xong so với giá trị tài sản ròng
2	Cam kết nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng tương đương với 3% giá trị hợp đồng nếu được công nhận trúng chào giá. Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến khi hoàn thành nghiệm thu tổng thể dịch vụ			☐
3	- Cam kết có đầy đủ và hợp pháp các quyền sở hữu trí tuệ đối với phần mềm Website. - Trường hợp có khiếu kiện của Bên thứ 3 về việc vi phạm quyền sở hữu trí tuệ, NCC cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm giải quyết khiếu kiện và chịu mọi chi phí liên quan đến việc khắc phục hậu quả vi phạm.			☐
4	Cam kết thời gian triển khai cài đặt và đào tạo hệ thống: tối đa 08 tháng kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực			☐
5	Cam kết không yêu cầu TCTHK thực hiện tạm ứng và chi phí gói dịch vụ được phân bổ đều trong 60 tháng, thanh toán trả sau hàng tháng hoặc hàng Quý sau khi 2 bên ký biên bản nghiệm thu chất lượng dịch vụ tháng			☐
6	Cam kết chịu mọi chi phí liên quan đến việc thiết kế giao diện, phát triển, tích hợp với các hệ thống/ứng dụng/chức năng của đối tác thứ 3 đang có trên website hiện tại lên website mới trong giai đoạn triển khai			☐
7	Cam kết chịu mọi chi phí liên quan đến việc thiết kế giao diện, bổ sung, chỉnh sửa chức năng cho Website miễn phí trong suốt thời gian thuê dịch vụ (không làm thay đổi kiến trúc của Website đã được hai bên thống nhất)			☐

8	Cam kết chịu mọi chi phí liên quan đến các yêu cầu thay đổi (change request) của TCTHK tối đa 260 man-day trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày Hai Bên ký Biên bản nghiệm thu tổng thể	☐
9	Cam kết chuyển giao quyền sử dụng và sở hữu toàn bộ hình ảnh, thương hiệu; thiết kế website; dữ liệu, source code (không bao gồm nền tảng CMS và CEM) của Website và Sub-site... khi hết hợp đồng thuê dịch vụ	☐

Ngày tháng năm

Đại diện hợp pháp của NCC

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA NHÀ CUNG CẤP

Tên NCC: _____

Thông tin từ Bảng cân đối kế toán**Thông tin từ Báo cáo kết quả kinh doanh**

Tổng tài sản			
Tổng nợ			
Giá trị tài sản ròng			
Tài sản ngắn hạn			
Nợ ngắn hạn			
Vốn lưu động			

Tổng doanh thu			
Doanh thu bình quân hàng năm từ hoạt động sản xuất kinh doanh⁽³⁾			
Lợi nhuận trước thuế			
Lợi nhuận sau thuế			
Báo cáo tài chính hoặc tài liệu kê khai quyết toán thuế từ năm 2021 đến năm 2023			

THỎA THUẬN LIÊN DANH

Căn cứ HSYC Gói dịch vụ “Thuê dịch vụ phát triển và hosting, bảo trì, đảm bảo hoạt động Website Thương mại điện tử Vietnam Airlines giai đoạn T6/2025-T5/2030”

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

Tên thành viên liên danh thứ nhất: _____

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Tên thành viên liên danh thứ hai: _____

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

Điều 1. Nguyên tắc chung

1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham dự thầu chào giá Gói dịch vụ “Thuê dịch vụ phát triển và hosting, bảo trì, đảm bảo hoạt động Website Thương mại điện tử Vietnam Airlines giai đoạn T6/2025-T5/2030”

2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến gói thầu này là: _____ [ghi tên của liên danh].

3. Các thành viên cam kết trường hợp trúng chào giá, không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ đã quy định trong hợp đồng. Trường hợp thành viên của liên danh từ chối hoàn thành trách nhiệm riêng của mình như đã thỏa thuận thì thành viên đó bị xử lý như sau:

- Bồi thường thiệt hại cho các bên trong liên danh;

- Bồi thường thiệt hại cho Chủ đầu tư theo quy định nêu trong hợp đồng;

Điều 2. Phân công trách nhiệm

Các thành viên thống nhất phân công trách nhiệm để thực hiện Gói dịch vụ “Thuê dịch vụ phát triển và hosting, bảo trì, đảm bảo hoạt động Website Thương mại điện tử Vietnam Airlines giai đoạn T6/2025-T5/2030” đối với từng thành viên như sau:

1. Thành viên đứng đầu liên danh:

Các bên nhất trí phân công _____ làm thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh trong những phần việc sau:

-Ký Đơn và bảng giá chào

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Bên mời chào giá trong quá trình tham dự thầu, kể cả văn bản đề nghị làm rõ HSYC và văn bản giải trình làm rõ HSDX ;

- Tham gia quá trình thương thảo hoàn thiện hợp đồng;

- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp có kiến nghị;

- Các công việc khác trừ việc ký kết hợp đồng ____ [ghi rõ nội dung các công việc khác (nếu có)].

2. Các thành viên trong liên danh thỏa thuận phân công trách nhiệm thực hiện công việc theo bảng dưới đây ⁽⁴⁾:

STT	Tên các thành viên trong liên danh	Nhiệm vụ	Tỷ lệ
1	Tên thành viên 1	- ____ - ____	- ____% - ____%
2	Tên thành viên thứ 2	- ____ - ____	- ____% - ____%
....			
Tổng cộng		Toàn bộ công việc của gói dịch vụ	100%

Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:

- Các bên hoàn thành trách nhiệm, nghĩa vụ của mình và tiến hành thanh lý hợp đồng;

- Các bên cùng thỏa thuận chấm dứt;

- Các Nhà thầu liên danh không trúng thầu;

- Hủy yêu cầu chào giá gói DV “Thuê dịch vụ phát triển và hosting, bảo trì, đảm bảo hoạt động Website Thương mại điện tử Vietnam Airlines giai đoạn T6/2025-T5/2030” theo thông báo của Bên mời chào giá.

Thỏa thuận liên danh được lập trên sự chấp thuận của tất cả các thành viên.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN LIÊN DANH

BẢO LÃNH DỰ CHÀO GIÁ

Bên thụ hưởng: Tổng công ty Hàng không Việt Nam - CTCP

Ngày phát hành bảo lãnh: ____ [ghi ngày phát hành bảo lãnh]

BẢO LÃNH DỰ CHÀO GIÁ số: ____ [ghi số trích yếu của Bảo lãnh dự chào giá]

Bên bảo lãnh: ____ [ghi tên và địa chỉ nơi phát hành, nếu những thông tin này chưa được thể hiện ở phần tiêu đề trên giấy in]

Chúng tôi được thông báo rằng [ghi tên Nhà cung cấp] (sau đây gọi là "Bên yêu cầu bảo lãnh") sẽ tham dự chào giá để thực hiện gói "Thuê dịch vụ phát triển và hosting, bảo trì, đảm bảo hoạt động Website Thương mại điện tử Vietnam Airlines giai đoạn T6/2025-T5/2030" theo Thư mời chào giá số [ghi số trích yếu của Thư mời chào giá].

Chúng tôi cam kết với Bên thụ hưởng rằng chúng tôi bảo lãnh cho Nhà cung cấp tham dự gói dịch vụ trên bằng một khoản tiền là VND (Bằng chữ: đồng).

Bảo lãnh này có hiệu lực trong 210 ngày, kể từ ngày ____ tháng ____ năm ____ (Ghi ngày có thời điểm đóng chào giá).

Theo yêu cầu của Bên yêu cầu bảo lãnh, chúng tôi, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết chắc chắn sẽ thanh toán cho Bên thụ hưởng một khoản tiền hay các khoản tiền không vượt quá tổng số tiền là VND (Bằng chữ: đồng) khi nhận được văn bản thông báo Nhà cung cấp vi phạm từ Bên thụ hưởng trong đó nêu rõ:

1. Nhà cung cấp rút hồ sơ tham dự chào giá sau thời điểm đóng chào giá và trong thời gian có hiệu lực của hồ sơ đề xuất;
2. Nhà cung cấp không tiến hành hoặc từ chối tiến hành thương thảo hợp đồng trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo trúng chào giá của Bên mời chào giá hoặc đã thương thảo hoàn thiện hợp đồng nhưng từ chối ký hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng; Nếu Bên yêu cầu bảo lãnh được lựa chọn: bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi Bên yêu cầu bảo lãnh ký kết hợp đồng (nếu có yêu cầu nộp bảo lãnh thực hiện hợp đồng) và nộp Bảo lãnh thực hiện hợp đồng (nếu có yêu cầu nộp bảo lãnh thực hiện hợp đồng) cho Bên thụ hưởng theo thỏa thuận trong hợp đồng đó.

Nếu Bên yêu cầu bảo lãnh không được lựa chọn: bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi chúng tôi nhận được bản chụp văn bản thông báo kết quả lựa chọn Nhà cung cấp từ Bên thụ hưởng gửi cho Bên yêu cầu bảo lãnh; trong vòng 30 ngày sau khi hết thời hạn hiệu lực của hồ sơ đề xuất.

Bất cứ yêu cầu bồi thường nào theo bảo lãnh này đều phải được đến tới văn phòng chúng tôi trước hoặc trong ngày đó.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

THƯ CAM KẾT BỒI THƯỜNG DO CHẠM TIẾN ĐỘ

Sau khi nghiên cứu kỹ HSYC gói dịch vụ “Thuê dịch vụ phát triển và hosting, bảo trì, đảm bảo hoạt động Website Thương mại điện tử Vietnam Airlines giai đoạn T6/2025-T5/2030” và căn cứ trên các sản phẩm chào cho TCTHK, chúng tôi cam kết:

Nếu hệ thống Website Thương mại điện tử Vietnam Airlines không được nghiệm thu, triển khai cài đặt và đào tạo hệ thống trong vòng tối đa 08 tháng kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực do lỗi của NCC thì NCC cần thanh toán toàn bộ chi phí phát sinh cho TCTHK và NCC sẽ phải chịu phạt 0,26% tổng giá trị Hợp đồng cho mỗi ngày chậm tiến độ. TCTHK sẽ có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng nếu NCC chậm hoàn thành triển khai dịch vụ quá 30 (ba mươi) ngày.

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu(nếu có)]

CÁC PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 01: YÊU CẦU KỸ THUẬT VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ VỀ KỸ THUẬT

I. YÊU CẦU KỸ THUẬT CÓ CHẤM ĐIỂM

Stt	Nội dung	Yêu cầu kỹ thuật	Điểm chi tiết	Điểm tối thiểu	Điểm tối đa	Phân loại	Ghi chú
I	Yêu cầu về Ý tưởng			60	60		
1	Xu hướng thiết kế	Phân tích về xu hướng thiết kế, bao gồm: - Xu hướng thiết kế website trên thế giới nói chung; - Thiết kế hiện tại của các hãng hàng không 4 và 5 sao khác.		10	10		
1.1		Xu hướng thiết kế website trên thế giới nói chung	2 mức là 0 hoặc 5	5	5	Bắt buộc	Có mô tả trong Bản mô tả giải pháp kỹ thuật
1.2		Thiết kế hiện tại của các hãng hàng không 4 và 5 sao khác	2 mức là 0 hoặc 5	5	5	Bắt buộc	Có mô tả trong Bản mô tả giải pháp kỹ thuật
2	Lĩnh vực kinh doanh	Có phân tích về lĩnh vực kinh doanh của VNA, bao gồm: - Sản phẩm dịch vụ; - Đối tượng khách hàng.		20	20		
2.1		Sản phẩm dịch vụ	2 mức là 0 hoặc 10	10	10	Bắt buộc	Có mô tả trong Bản mô tả giải pháp kỹ thuật
2.2		Đối tượng khách hàng	2 mức là 0 hoặc 10	10	10	Bắt buộc	Có mô tả trong Bản mô tả giải pháp kỹ thuật
3	Thiết kế	Có đề xuất về ý tưởng thiết kế trang chủ website: - Phù hợp, thống nhất với các phân tích bên trên; - Phù hợp với nhận diện thương hiệu của VNA; - Sáng tạo, hiện đại, thân thiện, phù hợp với xu hướng 4.0.		30	30		
3.1		Ý tưởng thiết kế trang chủ website VNA phù hợp, thống nhất với các phân tích định hướng.	2 mức là 0 hoặc 10	10	10	Bắt buộc	Có mô tả trong Bản mô tả giải pháp kỹ thuật

Stt	Nội dung	Yêu cầu kỹ thuật	Điểm chi tiết	Điểm tối thiểu	Điểm tối đa	Phân loại	Ghi chú
3.2		Ý tưởng thiết kế trang chủ website VNA phù hợp với yêu cầu nhận diện thương hiệu của VNA	2 mức là 0 hoặc 10	10	10	Bắt buộc	Có mô tả trong Bản mô tả giải pháp kỹ thuật
3.3		Ý tưởng thiết kế sáng tạo, hiện đại, thân thiện, phù hợp với xu hướng 4.0	2 mức là 0 hoặc 10	10	10	Bắt buộc	Có mô tả trong Bản mô tả giải pháp kỹ thuật
II	Yêu cầu về Thiết kế			180	180		
1	Thiết kế cho trang chủ website			80	80		
1.1.		Đáp ứng yêu cầu nhận diện thương hiệu của VNA	2 mức là 0 hoặc 10	10	10	Bắt buộc	Có mô tả trong Bản mô tả giải pháp kỹ thuật
1.2		Giao diện hiện đại, sáng tạo, trẻ trung, thân thiện	2 mức là 0 hoặc 10	10	10	Bắt buộc	Có mô tả trong Bản mô tả giải pháp kỹ thuật
1.3		Có ít nhất 2 mẫu thiết kế của home page (prototype) bản Desktop & Responsive	2 mức là 0 hoặc 10	10	10	Bắt buộc	Có mô tả trong Bản mô tả giải pháp kỹ thuật
1.4		Mẫu thiết kế phù hợp với xu hướng thiết kế website hiện nay	2 mức là 0 hoặc 10	10	10	Bắt buộc	Có mô tả trong Bản mô tả giải pháp kỹ thuật
1.5		Mẫu thiết kế phù hợp với phân tích về sản phẩm dịch vụ của VNA	2 mức là 0 hoặc 10	10	10	Bắt buộc	Có mô tả trong Bản mô tả giải pháp kỹ thuật
1.6		Mẫu thiết kế phù hợp với các phân tích đối tượng khách hàng của VNA	2 mức là 0 hoặc 10	10	10	Bắt buộc	Có mô tả trong Bản mô tả giải pháp kỹ thuật
1.7		UI/UX: Linh hoạt, thuận tiện và thân thiện với khách hàng	2 mức là 0 hoặc 10	10	10	Bắt buộc	Có mô tả trong Bản mô tả giải pháp kỹ thuật
1.8		Mẫu thiết kế đáp ứng DOT	2 mức là 0 hoặc 10	10	10	Bắt buộc	Có mô tả trong Bản mô tả giải pháp kỹ thuật
2	Thiết kế cho Booking Menu	- Thiết kế theo tông màu chủ đạo, Header và Footer của website mới, đáp ứng DOT;	2 mức là 0 hoặc 40	40	40	Bắt buộc	Có mô tả trong Bản mô tả giải pháp kỹ thuật

Stt	Nội dung	Yêu cầu kỹ thuật	Điểm chi tiết	Điểm tối thiểu	Điểm tối đa	Phân loại	Ghi chú
		- Cung cấp mẫu thiết kế phù hợp với yêu cầu.					
3	Thiết kế cho trang/mục (sub-site) của chương trình Khách hàng thường xuyên (Lotusmiles)	- Thiết kế theo tông màu chủ đạo, Header và Footer của website mới, đáp ứng DOT; - Cung cấp mẫu thiết kế phù hợp với yêu cầu.	2 mức là 0 hoặc 40	40	40	Bắt buộc	Có mô tả trong Bản mô tả giải pháp kỹ thuật
4	Thiết kế cho Check-in Menu	- Thiết kế theo tông màu chủ đạo, Header và Footer của website mới, đáp ứng DOT; - Cung cấp mẫu thiết kế phù hợp với yêu cầu.	2 mức là 0 hoặc 20	20	20	Bắt buộc	Có mô tả trong Bản mô tả giải pháp kỹ thuật
III	Yêu cầu về HTML và Coding			60	60		
1	Cắt HTML và coding	Thực hiện cắt HTML và coding cho toàn bộ thiết kế tại mục II	2 mức là 0 hoặc 20	20	20	Bắt buộc	Có mô tả trong Bản mô tả giải pháp kỹ thuật
2	Kiểm định	Sau khi hoàn thành cắt HTML và coding, thiết kế phải được kiểm định đáp ứng các yêu cầu của WCAAG 2.0 (Website Content Accessibility Guidelines) và DOT. 1. Công cụ kiểm định: + Kiểm định thông qua một số các ứng dụng Screen Reader như: JAWS, NVDA, Voiceover, Talkback...; + Kiểm định thông qua một trong số các công cụ test như: aXe, Ware, Xcode Accessibility Inspector... 2. Có kiểm định bởi bên thứ ba như: WebAIM, Me2Accessibility, Website Accessibility Experts...		40	40		
2.1		Cam kết thực hiện cắt HTML và coding đáp ứng các yêu cầu của WCAAG 2.0 (Website Content Accessibility Guidelines) và DOT	2 mức là 0 hoặc 10	10	10	Bắt buộc	Có mô tả trong Bản mô tả giải pháp kỹ thuật
2.2		Cam kết Kiểm nghiệm thông qua một trong số các thiết bị Screen Reader như: JAWS, NVDA, Voiceover, Talkback	2 mức là 0 hoặc 10	10	10	Bắt buộc	Có mô tả trong Bản mô tả giải pháp kỹ thuật

Stt	Nội dung	Yêu cầu kỹ thuật	Điểm chi tiết	Điểm tối thiểu	Điểm tối đa	Phân loại	Ghi chú
2.3		Cam kết Kiểm nghiệm thông qua một trong số các công cụ test như: aXe, Ware, Xcode Accessibility Inspector	2 mức là 0 hoặc 10	10	10	Bắt buộc	Có mô tả trong Bản mô tả giải pháp kỹ thuật
2.4		Cam kết Có kiểm định bởi bên thứ ba như: WebAIM, Me2Accessibility, Website Accessibility Experts	2 mức là 0 hoặc 10	10	10	Bắt buộc	Có mô tả trong Bản mô tả giải pháp kỹ thuật
IV	Yêu cầu về chức năng CMS			160	250		
1	Yêu cầu về cấu trúc			27	36		
1.1	Cấu trúc URL hỗ trợ đa thị trường, đa ngôn ngữ	- Website có cấu trúc URL là hệ thống hỗ trợ đa thị trường, đa ngôn ngữ (tối thiểu hỗ trợ 10 ngôn ngữ như hiện tại, gồm: Việt Nam, Anh, Pháp, Đức, Nhật Bản, Hàn Quốc, Nga, Trung phần thể, Trung giản thể, Thái và có khả năng mở rộng về sau); - Không sử dụng parameter trong URL (ví dụ: /news/promotion/summer-2013/ thay cho /news/promotion?id=123) để phù hợp cho SEO và việc cache content theo url sau này; - URL có thể hiển thị bằng nhiều ngôn ngữ khác nhau (ví dụ: https://www.vietnamairlines.com/vi-vn/vé-máy-bay-từ-hà-nội); - Cấu trúc URL phải ở dạng thân thiện, dễ đọc, có ý nghĩa với người dùng. Hệ thống cho phép chỉnh sửa các URL theo yêu cầu quản trị; - Hệ thống hỗ trợ đầy đủ các location hiện có và có khả năng mở rộng thêm các location về sau.		3	6		

Stt	Nội dung	Yêu cầu kỹ thuật	Điểm chi tiết	Điểm tối thiểu	Điểm tối đa	Phân loại	Ghi chú
1.1.1		- Website có cấu trúc URL là hệ thống hỗ trợ đa thị trường, đa ngôn ngữ (tối thiểu hỗ trợ 10 ngôn ngữ như hiện tại, gồm: Việt Nam, Anh, Pháp, Đức, Nhật Bản, Hàn Quốc, Nga, Trung phần thể, Trung giản thể, Thái và có khả năng mở rộng về sau);- Không sử dụng parameter trong URL (ví dụ: /news/promotion/summer-2013/ thay cho /news/promotion?id=123) để phù hợp cho SEO và việc cache content theo url sau này;- URL có thể hiển thị bằng nhiều ngôn ngữ khác nhau (ví dụ: https://www.vietnamairlines.com/vi-vn/vé-máy-bay-từ-hà-nội).	2 mức là 0 hoặc 3	3	3	Bắt buộc	Có mô tả trong Bản mô tả giải pháp kỹ thuật
1.1.2		Cấu trúc URL phải ở dạng thân thiện, dễ đọc, có ý nghĩa với người dùng. Hệ thống cho phép chỉnh sửa các URL theo yêu cầu quản trị	Chấm điểm chi tiết từ 0 đến 3 điểm		3		Có mô tả trong Bản mô tả giải pháp kỹ thuật
1.2	Quản lý cookies	- Hệ thống có cơ chế tự động nhận dạng người dùng để chuyển người dùng về ngôn ngữ và thị trường tương ứng thông qua cookies của lần truy cập trước hoặc nhận dạng theo địa chỉ IP của trình duyệt. Cơ chế chuyển tự động hoặc thủ công; - Ghi nhận và quản lý cookies: + Có trang popup show consent cookies có thông tin policy và nút accept, reject; + Có trang cookies management để quản lý việc cho phép user vào thay đổi lại lựa chọn. Trang gồm nhiều tùy chọn cookies khác nhau như Essential Cookies và Non-essential Cookies như: Ease of use, Analytic, Marketing...; + Website VNA cần cho phép khách Agree hoặc Disagree tại Banner Cookies xuất hiện khi Khách truy cập. Nếu Khách chọn Disagree, VNA không được xử lý các Non-essential Cookies nhưng vẫn được xử lý Essential Cookies; + Website phải xây dựng cơ chế cho phép khách hàng lựa chọn mục đích sử dụng các cookies (đặc biệt là Analytics cookies, Advertising		6	6		

Stt	Nội dung	Yêu cầu kỹ thuật	Điểm chi tiết	Điểm tối thiểu	Điểm tối đa	Phân loại	Ghi chú
		Cookies, Marketing cookies). Website VNA chỉ thực hiện xử lý các Cookies này trên cơ sở các lựa chọn của khách hàng. Khách hàng phải được truy cập và điều chỉnh Cookies management/preference bất cứ lúc nào. Ví dụ: trong trường hợp khách đã “Agree” (tức là VNA có quyền thu thập cookies để advertise hoặc analytize hoặc tạo profile), sau đó khách muốn thay đổi sự chấp thuận này, khách có thể truy cập Cookies management/preference trên website VNA để thay đổi (enable các mục đích đó).					
1.2.1		Ghi nhận và quản lý cookies: + Có trang popup show consent cookies có thông tin policy và nút accept, reject + Có trang cookies management để quản lý việc cho phép user vào thay đổi lại lựa chọn. Trang gồm nhiều tùy chọn cookies khác nhau như Essential Cookies và Non-essential Cookies như: Ease of use, Analytic, Marketing... + Website VNA cần cho phép khách Agree hoặc Disagree tại Banner Cookies xuất hiện khi Khách truy cập. Nếu Khách chọn Disagree, VNA không được xử lý các Non-essential Cookies nhưng vẫn được xử lý Essential Cookies. + Website phải xây dựng cơ chế cho phép khách hàng lựa chọn mục đích sử dụng các cookies (đặc biệt là Analytics cookies, Advertising Cookies, Marketing cookies). Website VNA chỉ thực hiện xử lý các Cookies này trên cơ sở các lựa chọn của khách hàng. Khách hàng phải được truy cập và điều chỉnh Cookies management/preference bất cứ lúc nào. Ví dụ: trong trường hợp khách đã “Agree” (tức là VNA có quyền thu thập cookies để advertise hoặc analytize hoặc tạo profile), sau đó khách muốn thay đổi sự chấp thuận này, khách có thể truy cập Cookies management/preference trên	2 mức là 0 hoặc 3	3	3	Bắt buộc	Có mô tả trong Bản mô tả giải pháp kỹ thuật Có Demo

Stt	Nội dung	Yêu cầu kỹ thuật	Điểm chi tiết	Điểm tối thiểu	Điểm tối đa	Phân loại	Ghi chú
		website VNA để thay đổi (enable các mục đích đó).					
1.2.2		Hệ thống có cơ chế tự động nhận dạng người dùng để chuyển người dùng về ngôn ngữ và thị trường tương ứng thông qua cookies của lần truy cập trước hoặc nhận dạng theo địa chỉ IP của trình duyệt. Cơ chế chuyển tự động hoặc thủ công	2 mức là 0 hoặc 3	3	3	Bắt buộc	Có mô tả trong Bản mô tả giải pháp kỹ thuật
1.3	Công cụ tìm kiếm nội bộ website	- Có công cụ tìm kiếm riêng trên website VNA;- Tìm kiếm theo dạng gần đúng hoặc chính xác từ khóa;- Hiển thị các dự đoán trước từ khóa tìm kiếm dựa trên từ khóa nhập vào;- Công cụ tìm kiếm kết hợp AI-ML (máy học) để gợi ý các kết quả tìm kiếm của người dùng dựa trên các tìm kiếm trước đó.		12	12		Có Demo
1.3.1		Có công cụ tìm kiếm riêng trên website VNA	2 mức là 0 hoặc 3	3	3	Bắt buộc	Có mô tả trong Bản mô tả giải pháp kỹ thuật Có Demo
1.3.2		Tìm kiếm theo dạng gần đúng hoặc chính xác từ khóa	2 mức là 0 hoặc 3	3	3	Bắt buộc	Có mô tả trong Bản mô tả giải pháp kỹ thuật Có Demo
1.3.3		Hiển thị các dự đoán trước từ khóa tìm kiếm dựa trên từ khóa nhập vào	2 mức là 0 hoặc 3	3	3	Bắt buộc	Có mô tả trong Bản mô tả giải pháp kỹ thuật Có Demo
1.3.4		Công cụ tìm kiếm kết hợp AI-ML (máy học) để gợi ý các kết quả tìm kiếm của người dùng dựa trên các tìm kiếm trước đó	2 mức là 0 hoặc 3	3	3	Bắt buộc	Có mô tả trong Bản mô tả giải pháp kỹ thuật Có Demo
1.4	Sitemap	- Có sitemap tổng thể và sitemap theo từng thị trường, ngôn ngữ; - Có sitemap cho người dùng dạng HTML và sitemap XML cho search engine;- Có chức năng export sitemap cho phép thiết lập các thông số chính như priority, tần suất thay đổi của từng trang để Search Engine sắp xếp độ quan trọng của trang cho phù hợp.			6		

Stt	Nội dung	Yêu cầu kỹ thuật	Điểm chi tiết	Điểm tối thiểu	Điểm tối đa	Phân loại	Ghi chú
1.4.1		Có sitemap tổng thể và sitemap theo từng thị trường, ngôn ngữ Có sitemap cho người dùng dạng HTML và sitemap XML cho search engine	Chấm điểm chi tiết từ 0 đến 3 điểm		3		Có mô tả trong Bản mô tả giải pháp kỹ thuật
1.4.3		Có chức năng export site map cho phép thiết lập các thông số chính như priority, tần suất thay đổi của từng trang để Search Engine sắp xếp độ quan trọng của trang cho phù hợp	Chấm điểm chi tiết từ 0 đến 3 điểm		3		Có mô tả trong Bản mô tả giải pháp kỹ thuật
1.5	Headless CMS	- CMS là dạng Headless cho phép quản trị thống nhất nội dung cho các nền tảng Web, App, Refx, ARDWeb, NDC, AIDL, TAP, Thiết bị Quảng cáo điện tử, Mạng xã hội, Kiosk ...; - CMS cung cấp, phân phối nội dung cho các nền tảng Web, App, Refx, ARDWeb, NDC, AIDL, TAP, Thiết bị Quảng cáo điện tử, Mạng xã hội, Kiosk ... thông qua API/WebService và hiển thị được hình ảnh, nội dung về máy bay, dịch vụ, sản phẩm hỗ trợ ... trên IBE.		6	6		
1.5.1		CMS là dạng Headless cho phép quản trị thống nhất nội dung cho các nền tảng Web, App, Refx, ARDWeb, NDC, AIDL, TAP, Thiết bị Quảng cáo điện tử, Mạng xã hội, Kiosk	2 mức là 0 hoặc 3	3	3	Bắt buộc	Có mô tả trong Bản mô tả giải pháp kỹ thuật Có Demo
1.5.2		CMS cung cấp, phân phối nội dung cho các nền tảng Web, App, Refx, ARDWeb, NDC, AIDL, TAP, Thiết bị Quảng cáo điện tử, Mạng xã hội, Kiosk ... thông qua API/WebService và hiển thị được hình ảnh, nội dung về máy bay, dịch vụ, sản phẩm hỗ trợ ... trên IBE	2 mức là 0 hoặc 3	3	3	Bắt buộc	Có mô tả trong Bản mô tả giải pháp kỹ thuật Có Demo
2	Yêu cầu về giao diện			24	39		
2.1	Hình thức	- Giao diện đẹp, thân thiện, dễ dùng, menu hiển thị nội dung khoa học theo thiết kế của VNA; - Có chức năng cho phép hiển thị tùy biến nội dung cho từng cá nhân.		6	6		

Stt	Nội dung	Yêu cầu kỹ thuật	Điểm chi tiết	Điểm tối thiểu	Điểm tối đa	Phân loại	Ghi chú
2.1.1		Giao diện đẹp, thân thiện, dễ dùng, menu hiển thị nội dung khoa học theo thiết kế của VNA	2 mức là 0 hoặc 3	3	3	Bắt buộc	Có mô tả trong Bản mô tả giải pháp kỹ thuật
2.1.2		Có chức năng cho phép hiển thị tùy biến nội dung cho từng cá nhân	2 mức là 0 hoặc 3	3	3	Bắt buộc	Có mô tả trong Bản mô tả giải pháp kỹ thuật
2.2	Tính linh hoạt	Dễ dàng thay đổi giao diện theo chủ đề dễ dàng (như tạo nhiều mẫu giao diện để có thể thay đổi theo mùa, theo khuyến mại, theo đối tượng khách hàng)	Chấm điểm chi tiết từ 0 đến 3 điểm		3		Có mô tả trong Bản mô tả giải pháp kỹ thuật
2.3	Content block (nhóm nội dung)	Dễ dàng bày trí các content block, hỗ trợ nhiều cách hiển thị nội dung (như expand/collapse menu, anchor link, list of article) hỗ trợ người quản trị thay đổi vị trí các nội dung trong trang.	2 mức là 0 hoặc 3	3	3	Bắt buộc	Có mô tả trong Bản mô tả giải pháp kỹ thuật
2.4	Giao diện Responsive Design	- Website có các phiên bản thiết kế độc lập cho từng loại kích thước màn hình (Desktop, Laptop, Tablet, Mobile) và khả năng tùy biến, hiển thị tối ưu trên các thiết bị và màn hình có độ phân giải khác nhau và trên phiên bản mới nhất; - Website đặt trọng tâm thiết kế ưu tiên (Mobile First) dành cho Mobile -> Tablet -> Laptop -> Desktop .		6	6		
2.4.1		Website có các phiên bản thiết kế độc lập cho từng loại kích thước màn hình (Desktop, Laptop, Tablet, Mobile) và khả năng tùy biến, hiển thị tối ưu trên các thiết bị và màn hình có độ phân giải khác nhau và trên phiên bản mới nhất	2 mức là 0 hoặc 3	3	3	Bắt buộc	Có mô tả trong Bản mô tả giải pháp kỹ thuật Có Demo
2.4.2		Website đặt trọng tâm thiết kế ưu tiên dành cho Mobile -> Tablet -> Laptop -> Desktop (Mobile First)	2 mức là 0 hoặc 3	3	3	Bắt buộc	Có mô tả trong Bản mô tả giải pháp kỹ thuật Có Demo
2.5	Tương thích với trình duyệt	Hoạt động tốt và tương thích với các loại và các phiên bản trình duyệt chính như: FireFox, Edge, Chrome, Safari, Opera trên PC và trên các thiết bị Mobile	2 mức là 0 hoặc 3	3	3	Bắt buộc	Có mô tả trong Bản mô tả giải pháp kỹ thuật

Stt	Nội dung	Yêu cầu kỹ thuật	Điểm chi tiết	Điểm tối thiểu	Điểm tối đa	Phân loại	Ghi chú
2.6	Tuân thủ định dạng tiêu chuẩn	Code HTML, CSS phải theo chuẩn W3C. Nội dung hiển thị đồng nhất trên các trình duyệt. Đáp ứng tối thiểu HTML5, SS3	Chấm điểm chi tiết từ 0 đến 3 điểm		3		Có mô tả trong Bản mô tả giải pháp kỹ thuật
2.7	Giao diện thông báo lỗi	Có giao diện thông báo lỗi thân thiện: Các lỗi 404 (not found) và 500 (internal server error) phải hiển thị như trang bình thường và có nội dung nhắc nhở người dùng hoặc hiển thị sitemap HTML để người dùng lựa chọn nội dung	2 mức là 0 hoặc 3	3	3	Bắt buộc	Có mô tả trong Bản mô tả giải pháp kỹ thuật
2.8	Chuyển đổi giữa các ngôn ngữ, thị trường dễ dàng	Chức năng chuyển đổi ngôn ngữ, thị trường theo các tiêu chí: (i) Không làm điều hướng sang trang thứ hai; (ii) Sử dụng drop down list có thể sắp xếp tùy biến theo bảng chữ cái ABC hoặc phân vùng địa lý; (iii) Có khả năng tìm kiếm thông qua nhập ký tự ban đầu	2 mức là 0 hoặc 3	3	3	Bắt buộc	Có mô tả trong Bản mô tả giải pháp kỹ thuật
2.9	Template dễ dàng chỉnh sửa và tạo mới	Ngôn ngữ, cấu trúc template dễ dàng cho việc chỉnh sửa mở rộng sau này	Chấm điểm chi tiết từ 0 đến 3 điểm		3		Có mô tả trong Bản mô tả giải pháp kỹ thuật
2.10	Giao diện phải hòa hợp giữa nội dung và hình ảnh	- Có cơ chế tự động điều chỉnh nội dung và hình ảnh theo các cấp độ: Trên, dưới, trái, phải, ẩn sau chữ. - Có cơ chế tự động điều chỉnh kích thước/nén ảnh phù hợp với giao diện người dùng			6		
2.10.1		Có cơ chế tự động điều chỉnh nội dung và hình ảnh theo các cấp độ: Trên, dưới, trái, phải, ẩn sau chữ	Chấm điểm chi tiết từ 0 đến 3 điểm		3		Có mô tả trong Bản mô tả giải pháp kỹ thuật
2.10.2		Có cơ chế tự động điều chỉnh kích thước/nén ảnh phù hợp với giao diện người dùng	Chấm điểm chi tiết từ 0 đến 3 điểm		3		Có mô tả trong Bản mô tả giải pháp kỹ thuật

Stt	Nội dung	Yêu cầu kỹ thuật	Điểm chi tiết	Điểm tối thiểu	Điểm tối đa	Phân loại	Ghi chú
3	Yêu cầu về quản trị			24	84		
3.1	Quản trị nội dung thông qua giao diện web hoặc mobile	Quản trị nội dung website dễ dàng thông qua giao diện web hoặc mobile mà không cần bất cứ một công cụ nào khác	2 mức là 0 hoặc 3	3	3	Bắt buộc	Có mô tả trong Bản mô tả giải pháp kỹ thuật
3.2	- Quản trị đa ngôn ngữ, đa thị trường; - Cho phép hiển thị nội dung thông tin theo thị trường, thành phố, ngôn ngữ, địa chỉ IP.	- Nội dung website đảm bảo hiển thị tốt theo các ngôn ngữ khác nhau; - Giao diện quản trị phải hỗ trợ tốt việc thêm ngôn ngữ, thị trường cho nội dung. Thao tác phải đơn giản không mất nhiều thời gian và công sức.	2 mức là 0 hoặc 3	3	3	Bắt buộc	Có mô tả trong Bản mô tả giải pháp kỹ thuật
3.3	Có cơ chế WYSIWYG (xem trước trạng thái cuối khi đang chỉnh sửa)	- Công cụ hỗ trợ tốt việc remove các code khi copy từ bộ office như word, excel;- Hỗ trợ tốt kẻ bảng biểu, merge cell;- Hỗ trợ tự động tạo Mục lục trong bài viết (Table Of Content) dựa trên các thẻ H tag;- Cho phép upload file trong quá trình khởi tạo/chỉnh sửa nội dung.	Chấm điểm chi tiết từ 0 đến 3 điểm		3		Có mô tả trong Bản mô tả giải pháp kỹ thuật
3.4	Chức năng chỉnh sửa ảnh, nén ảnh	- Có chức năng chỉnh sửa ảnh ít nhất có: resize, crop; - Tự động nén ảnh khi được tải lên; - Hệ thống tự động chuyển đổi hình ảnh sang các định dạng hình ảnh thế hệ mới như AVIF và WebP để cải thiện tốc độ tải trang nhanh hơn.	2 mức là 0 hoặc 3	3	3	Bắt buộc	Có mô tả trong Bản mô tả giải pháp kỹ thuật Có Demo
3.5	Có khả năng chỉnh sửa trực tiếp từ trang đang xem (front end editing)	Có khả năng front end editing giúp người quản trị xem trước được layout, content của trang đang sửa	Chấm điểm chi tiết từ 0 đến 3 điểm		3		Có mô tả trong Bản mô tả giải pháp kỹ thuật
3.6	Xem trước nội dung trước khi xuất bản	Có cơ chế cho phép xem trước nội dung với giao diện đầy đủ trước khi xuất bản trên Desktop/Mobile/Tablet	Chấm điểm chi tiết từ 0 đến 3 điểm		3		Có mô tả trong Bản mô tả giải pháp kỹ thuật
3.7	Thêm bớt trang, trang con nhiều cấp	- Có thể thêm bớt trang, trang con nhiều cấp; - Có các thành phần đã cấu hình sẵn có thể chỉnh sửa như văn bản, hình ảnh và các cột lưới đáp ứng để tạo và quản lý các mẫu trang phù hợp với thương hiệu.	Chấm điểm chi tiết từ 0 đến 3 điểm		3		Có mô tả trong Bản mô tả giải pháp kỹ thuật

Stt	Nội dung	Yêu cầu kỹ thuật	Điểm chi tiết	Điểm tối thiểu	Điểm tối đa	Phân loại	Ghi chú
3.8	Hệ thống hỗ trợ việc gắn, di chuyển các plugin portlet webpart dễ dàng	Hệ thống hỗ trợ việc gắn, di chuyển các plugin portlet webpart dễ dàng	Chấm điểm chi tiết từ 0 đến 3 điểm		3		Có mô tả trong Bản mô tả giải pháp kỹ thuật
3.9	Có thể quản trị nội dung của các plugin portlet webpart cũng như hỗ trợ đa ngôn ngữ, đa thị trường	Có thể quản trị nội dung của các plugin portlet webpart cũng như hỗ trợ đa ngôn ngữ, đa thị trường	Chấm điểm chi tiết từ 0 đến 3 điểm		3		Có mô tả trong Bản mô tả giải pháp kỹ thuật
3.10	Workflow	- Có Workflow cơ bản cho 1 content: Create/Edit -> Save Draft/Return for Edit (tạo version)-->Submit for Review --> Approve/Reject--> Publish; - Có trình tạo quy trình làm việc cho phép tạo các workflow khác nhau phù hợp với nhu cầu công việc. Giao diện kéo và thả trực quan trong quy trình công việc cho phép tạo và chỉnh sửa đơn giản các lược đồ quy trình công việc tùy chỉnh; - Cho phép tạo yêu cầu hai hoặc nhiều phê duyệt cho bất kỳ nội dung nào để đảm bảo quản trị nội dung phù hợp.	2 mức là 0 hoặc 3	3	3	Bắt buộc	Có mô tả trong Bản mô tả giải pháp kỹ thuật Có Demo
3.11	Quản lý phiên bản nội dung trang	- Hỗ trợ quản lý phiên bản nội dung trang; - Có cơ chế lưu và cho xem lại các version (không giới hạn số lượng version) của content với đầy đủ thông tin người tạo, chỉnh sửa, approve, publish version đó; - Có cơ chế lưu trữ content bị xóa (Recycle Bin) hoặc không còn hiển thị trên website để có thể restore/reuse khi cần; - Có cơ chế hiển thị và so sánh nội dung từ 2 phiên bản ngôn ngữ của 1 nội dung trên cùng 1 màn hình quản trị; - Có cơ chế kết nối để 1 nội dung có thể hiển thị trên nhiều trang web khác nhau. Khi chỉnh sửa chỉ cần update ở 1 nơi, các nơi hiển thị khác cũng được update theo.	2 mức là 0 hoặc 3	3	3	Bắt buộc	Có mô tả trong Bản mô tả giải pháp kỹ thuật Có Demo

Stt	Nội dung	Yêu cầu kỹ thuật	Điểm chi tiết	Điểm tối thiểu	Điểm tối đa	Phân loại	Ghi chú
3.12	Quản lý phân quyền xem, quyền truy cập theo trang, nội dung, ngôn ngữ	Hỗ trợ quản lý phân quyền xem, quyền truy cập theo trang, nội dung, ngôn ngữ	2 mức là 0 hoặc 3	3	3	Bắt buộc	Có mô tả trong Bản mô tả giải pháp kỹ thuật
3.13	Quản lý media, hình ảnh, upload nhiều file cùng lúc	Hỗ trợ quản lý media, hình ảnh, upload nhiều file cùng lúc	Chấm điểm chi tiết từ 0 đến 3 điểm		3	Bắt buộc	Có mô tả trong Bản mô tả giải pháp kỹ thuật
3.14	Quản lý nội dung menu, footer	Hỗ trợ quản lý nội dung menu, footer	Chấm điểm chi tiết từ 0 đến 3 điểm		3	Bắt buộc	Có mô tả trong Bản mô tả giải pháp kỹ thuật
3.15	Đặt lịch publish, unpublish và hủy nội dung	Đặt lịch publish, unpublish và hủy nội dung tự động và thủ công	2 mức là 0 hoặc 3	3	3	Bắt buộc	Có mô tả trong Bản mô tả giải pháp kỹ thuật
3.16	Quản lý Sitemap	Hỗ trợ quản lý Sitemap và có công cụ upload sitemap lên search engine	Chấm điểm chi tiết từ 0 đến 3 điểm		3		Có mô tả trong Bản mô tả giải pháp kỹ thuật
3.17	Có công cụ quản trị SEO của trang	Bao gồm nhưng không giới hạn bởi: title, description, keywords, alt, images. Dữ liệu meta data được cập nhật và hiển thị tốt như các nội dung hiển thị khác. SEO theo từng nội dung và ngôn ngữ	Chấm điểm chi tiết từ 0 đến 3 điểm		3		Có mô tả trong Bản mô tả giải pháp kỹ thuật Có Demo
3.18	Hệ thống kết nối, tương thích với các mạng xã hội	Cho phép chia sẻ dễ dàng các nội dung/trang từ site TCTHK đến bao gồm nhưng không giới hạn các mạng xã hội như facebook, twitter...	Chấm điểm chi tiết từ 0 đến 3 điểm		3		Có mô tả trong Bản mô tả giải pháp kỹ thuật
3.19	Cơ chế lưu log các chỉnh sửa	Có cơ chế lưu log các chỉnh sửa	Chấm điểm chi tiết từ 0 đến 3 điểm		3	Bắt buộc	Có mô tả trong Bản mô tả giải pháp kỹ thuật

Stt	Nội dung	Yêu cầu kỹ thuật	Điểm chi tiết	Điểm tối thiểu	Điểm tối đa	Phân loại	Ghi chú
3.20	Tái sử dụng các nội dung đã khai báo trước	Có thể tái sử dụng các nội dung đã khai báo trước	Chấm điểm chi tiết từ 0 đến 3 điểm		3		Có mô tả trong Bản mô tả giải pháp kỹ thuật
3.21	Khả năng tương thích, mở rộng	Có khả năng mở rộng, tích hợp với các ứng dụng của bên thứ 3 như dịch tự động AI - cho phép tự nhận diện content cần dịch trong hệ thống CMS, dịch và tự động lưu bản dịch vào các ngôn ngữ tương ứng trong CMS ở trạng thái Draft; tích hợp với các mạng xã hội cho phép publish content cùng lúc trên cả mạng xã hội và website; tích hợp với ứng dụng customer experience management; các công cụ phục vụ SEO....	Chấm điểm chi tiết từ 0 đến 3 điểm		3		Có mô tả trong Bản mô tả giải pháp kỹ thuật
3.22	Activity log file	- Cho phép lưu trữ và tra cứu lại toàn bộ hành vi hoạt động của người quản trị và khách hàng;- Có cơ chế tạo báo cáo thống kê theo lịch thiết lập: các content được chỉnh sửa, user chỉnh sửa/approve, thời gian chỉnh sửa.	Chấm điểm chi tiết từ 0 đến 3 điểm	3	3	Bắt buộc	Có mô tả trong Bản mô tả giải pháp kỹ thuật Có Demo
3.23	Khả năng cải thiện nội dung bằng AI	- Hệ thống cung cấp khả năng AI tạo nội dung để tạo hoặc cải thiện tài liệu viết quảng cáo ngay khi xuất xưởng; - Hệ thống cung cấp khả năng AI tạo nội dung để chỉnh sửa và nâng cao tài sản nội dung web như hình ảnh.	Chấm điểm chi tiết từ 0 đến 3 điểm		3		Có mô tả trong Bản mô tả giải pháp kỹ thuật
3.24	Tính năng API GraphQL	Hệ thống cung cấp các tính năng API GraphQL bao gồm phân trang và sắp xếp để tích hợp với hiệu suất tốt hơn.	Chấm điểm chi tiết từ 0 đến 3 điểm		3		Có mô tả trong Bản mô tả giải pháp kỹ thuật
3.25	Tự động hoá quy trình làm việc	- Tự động hoá quy trình làm việc để tạo và mở rộng một hình ảnh chính thành nhiều biến thể ngay khi xuất xưởng; - Hỗ trợ viết tài liệu dựa trên các công cụ như MS Word, Google Docs và sau đó tự động xuất bản nội dung đã viết dưới dạng HTML	Chấm điểm chi tiết từ 0 đến 3 điểm		3		Có mô tả trong Bản mô tả giải pháp kỹ thuật

Stt	Nội dung	Yêu cầu kỹ thuật	Điểm chi tiết	Điểm tối thiểu	Điểm tối đa	Phân loại	Ghi chú
3.26	Hỗ trợ phương tiện truyền thông tương tác	- Hỗ trợ các định dạng và các tài sản phương tiện truyền thông phong phú mới nổi như 3D; - Hỗ trợ người dùng doanh nghiệp tạo ra các phương tiện truyền thông tương tác.	Chấm điểm chi tiết từ 0 đến 3 điểm		3		Có mô tả trong Bản mô tả giải pháp kỹ thuật
3.27	Tự động hóa các nhiệm vụ	Tự động hóa các nhiệm vụ lặp lại cho người dùng hệ thống quản lý nội dung (CMS) nội bộ	Chấm điểm chi tiết từ 0 đến 3 điểm		3		Có mô tả trong Bản mô tả giải pháp kỹ thuật
3.28	Công cụ CI/CD	Hệ thống đi kèm với các công cụ CI/CD tích hợp sẵn và tự phục vụ để quản lý các môi trường.	Chấm điểm chi tiết từ 0 đến 3 điểm		3		Có mô tả trong Bản mô tả giải pháp kỹ thuật
4	Yêu cầu về chức năng, trang			6	6		
4.1	Đáp ứng đầy đủ chức năng, các trang hiện đang có trên website www.vietnamairlines.com	- Triển khai đầy đủ nhưng không giới hạn chức năng, nội dung, hình thức, thiết kế, màu sắc theo yêu cầu của VNA; - Phát triển trên một trong số các nền tảng CMS như Adobe, Sitecore phiên bản mới nhất; - Liên tục cập nhật miễn phí phiên bản CMS chính hãng mới nhất và trong thời hạn hỗ trợ của nhà sản xuất.	Chấm điểm chi tiết từ 0 đến 3 điểm	3	3	Bắt buộc	Có mô tả trong Bản mô tả giải pháp kỹ thuật
4.2	Single sign-on	Thiết kế và thực hiện cơ chế Single Sign-on đối với các ứng dụng trực tuyến trên website VNA	Chấm điểm chi tiết từ 0 đến 3 điểm	3	3	Bắt buộc	Có mô tả trong Bản mô tả giải pháp kỹ thuật
5	Yêu cầu về xây dựng và tích hợp với đối tác thứ 3	1. Thiết kế giao diện, phát triển, tích hợp và duy trì các ứng dụng, chức năng hiện có thông qua tích hợp với ứng dụng, API/Webservices do VNA hoặc bên thứ 3 cung cấp. Chi tiết các ứng dụng, chức năng tại Phụ lục 02 của HSYC. 2. Thiết kế giao diện, phát triển, tích hợp và duy trì các ứng dụng, chức	2 mức là 0 hoặc 10	10	10	Bắt buộc	Có mô tả trong Bản mô tả giải pháp kỹ thuật

Stt	Nội dung	Yêu cầu kỹ thuật	Điểm chi tiết	Điểm tối thiểu	Điểm tối đa	Phân loại	Ghi chú
		năng mới thông qua tích hợp với ứng dụng, API/Webservices do VNA hoặc bên thứ 3 cung cấp.					
6	Yêu cầu về các module hỗ trợ (Portlet, Plugins, Webpart)			15	18		
6.1	Module chức năng	Đáp ứng tối thiểu các module hiện có trên website TCTHK	2 mức là 0 hoặc 3	3	3	Bắt buộc	Có mô tả trong Bản mô tả giải pháp kỹ thuật
6.2	Module Quản trị	- Dễ dàng quản trị nội dung hiển thị, dễ dàng tùy biến cách hiển thị như Fade-in, Fade-out...; - Quản trị nội dung theo thị trường, thành phố, ngôn ngữ.		6	6		
6.2.1		Dễ dàng quản trị nội dung hiển thị, dễ dàng tùy biến cách hiển thị như Fade-in, Fade-out...	2 mức là 0 hoặc 3	3	3	Bắt buộc	Có mô tả trong Bản mô tả giải pháp kỹ thuật
6.2.2		Quản trị nội dung theo thị trường, thành phố, ngôn ngữ	2 mức là 0 hoặc 3	3	3	Bắt buộc	Có mô tả trong Bản mô tả giải pháp kỹ thuật
6.3	Module tìm kiếm	- Có chức năng tìm kiếm nội dung (bài viết, file, ảnh...) trong CMS theo tiêu đề, tên file, tag; - Phát triển các chức năng tra cứu đặt trên trang nội dung: Module tra cứu tự động lấy dữ liệu theo thời gian thực từ các trang nội dung sẵn có được liên tục cập nhật thông tin.		6	6		
6.3.1		Có chức năng tìm kiếm nội dung (bài viết, file, ảnh...) trong CMS theo tiêu đề, tên file, tag	2 mức là 0 hoặc 3	3	3	Bắt buộc	Có mô tả trong Bản mô tả giải pháp kỹ thuật
6.3.2		Phát triển các chức năng tra cứu đặt trên trang nội dung: Module tra cứu tự động lấy dữ liệu theo thời gian thực từ các trang nội dung sẵn có được liên tục cập nhật thông tin	2 mức là 0 hoặc 3	3	3	Bắt buộc	Có mô tả trong Bản mô tả giải pháp kỹ thuật

Stt	Nội dung	Yêu cầu kỹ thuật	Điểm chi tiết	Điểm tối thiểu	Điểm tối đa	Phân loại	Ghi chú
6.4	Chức năng thống kê	Thể hiện các dữ liệu thống kê truy cập hành vi của người dùng trên site. Cho phép filter số liệu theo City, IP, Location, page, content	Chấm điểm chi tiết từ 0 đến 3 điểm		3		Có mô tả trong Bản mô tả giải pháp kỹ thuật
7	Hiệu Năng			12	15		
7.1	Tốc độ đáp ứng nhanh	Dưới 4s để tải xuống 01 trang có dung lượng tối thiểu 9 MB	2 mức là 0 hoặc 3	3	3	Bắt buộc	Có mô tả trong Bản mô tả giải pháp kỹ thuật
7.2	Hỗ trợ nhiều người dùng truy cập cùng lúc	Tối thiểu 10.000 người truy cập đồng thời	2 mức là 0 hoặc 3	3	3	Bắt buộc	Có mô tả trong Bản mô tả giải pháp kỹ thuật
7.3	Cơ chế load balancing	Có cơ chế load balancing	Chấm điểm chi tiết từ 0 đến 3 điểm		3		Có mô tả trong Bản mô tả giải pháp kỹ thuật
7.4	Cơ chế lưu cache, tăng tốc độ truy cập, render page	Có cơ chế lưu cache, tăng tốc độ truy cập, render page	2 mức là 0 hoặc 3	3	3	Bắt buộc	Có mô tả trong Bản mô tả giải pháp kỹ thuật
7.5	Tương thích với hệ thống Content Delivery Network (CDN)	Tương thích với hệ thống Content Delivery Network (CDN) của TCTHK	2 mức là 0 hoặc 3	3	3	Bắt buộc	Có mô tả trong Bản mô tả giải pháp kỹ thuật
8	Bảo mật & Backup	-		27	27		
8.1	Tách riêng giao diện admin ra khỏi production server	- Trang production https://vietnamairlines.com chỉ đọc, không bao gồm giao diện Admin; - Trang Admin phải tại cổng khác hoặc địa chỉ khác như https://vietnamairlines.com:port/ .	2 mức là 0 hoặc 5	3	3	Bắt buộc	Có mô tả trong Bản mô tả giải pháp kỹ thuật
8.2	SSL	Cài đặt SSL để bảo mật thông tin theo yêu cầu của VNA	2 mức là 0 hoặc 5	3	3	Bắt buộc	Có mô tả trong Bản mô tả giải pháp kỹ thuật
8.3	Thông báo lỗi	Không hiển thị lỗi hệ thống mà hiển thị dạng thông báo lỗi	2 mức là 0 hoặc 5	3	3	Bắt buộc	Có mô tả trong Bản mô tả giải pháp kỹ thuật

Stt	Nội dung	Yêu cầu kỹ thuật	Điểm chi tiết	Điểm tối thiểu	Điểm tối đa	Phân loại	Ghi chú
8.4	Cookies, secure cookies	Hỗ trợ cookies, secure cookies	2 mức là 0 hoặc 5	3	3	Bắt buộc	Có mô tả trong Bản mô tả giải pháp kỹ thuật
8.5	Validate dữ liệu nhập của user trước khi submit	Validate dữ liệu nhập của user trước khi submit	2 mức là 0 hoặc 3	3	3	Bắt buộc	Có mô tả trong Bản mô tả giải pháp kỹ thuật
8.6	Chống crosssite scripting và click jacking, sql injection	Chống crosssite scripting và click jacking, sql injection	2 mức là 0 hoặc 3	3	3	Bắt buộc	Có mô tả trong Bản mô tả giải pháp kỹ thuật
8.7	Cập nhật các bản vá	Phần mềm phải thường xuyên cập nhật các bản vá và không phát sinh chi phí	2 mức là 0 hoặc 5	3	3	Bắt buộc	Có mô tả trong Bản mô tả giải pháp kỹ thuật
8.8	Sao lưu dữ liệu	Sao lưu dữ liệu hàng tuần và có cơ chế khôi phục nhanh	2 mức là 0 hoặc 3	3	3	Bắt buộc	Có mô tả trong Bản mô tả giải pháp kỹ thuật
8.9	Tuân thủ quy định bảo mật thông tin	Tuân thủ chính sách bảo mật thông tin của GDPR (EU), KISA (Hàn Quốc), Trung Quốc, Mỹ, ASEAN, Nhật Bản, Ấn Độ, Nga, Úc..., luật An ninh mạng Việt Nam, luật An toàn thông tin Việt Nam và Quy chế ANTT của TCTHK	2 mức là 0 hoặc 5	3	3	Bắt buộc	Có mô tả trong Bản mô tả giải pháp kỹ thuật
9	Môi trường			9	9		
9.1	Môi trường phát triển	Có môi trường riêng dùng để phát triển các tính năng mới	2 mức là 0 hoặc 3	3	3	Bắt buộc	Có mô tả trong Bản mô tả giải pháp kỹ thuật
9.2	Môi trường kiểm thử	Có môi trường riêng dùng để enduser kiểm thử chức năng	2 mức là 0 hoặc 3	3	3	Bắt buộc	Có mô tả trong Bản mô tả giải pháp kỹ thuật
9.3	Môi trường thực tế	Có môi trường riêng dùng để khách hàng truy cập	2 mức là 0 hoặc 3	3	3	Bắt buộc	Có mô tả trong Bản mô tả giải pháp kỹ thuật
10	Dữ liệu và đảm bảo hoạt động			6	6		
10.1	Quyền sở hữu dữ liệu	Dữ liệu của website thuộc quyền sở hữu của VNA	2 mức là 0 hoặc 3	3	3	Bắt buộc	Có mô tả trong Bản mô tả giải pháp kỹ thuật

Stt	Nội dung	Yêu cầu kỹ thuật	Điểm chi tiết	Điểm tối thiểu	Điểm tối đa	Phân loại	Ghi chú
10.2	Có kinh nghiệm trong việc chuyển đổi hệ thống CMS	Nêu số lượng và tên khách hàng đã thực hiện chuyển đổi	2 mức là 0 hoặc 3	3	3	Bắt buộc	Có mô tả trong Bản mô tả giải pháp kỹ thuật
V	Yêu cầu về chức năng CEM			140	250		
1	Chuyển đổi hành trình khách hàng hiện có trên Insider sang CEM	Chuyển đổi và xây dựng các kịch bản như chào mừng, đơn hàng dở dang, upsell, cross sales	2 mức là 0 hoặc 30	30	30	Bắt buộc	Có mô tả trong Bản mô tả giải pháp kỹ thuật
2	Nhận diện khách hàng truy cập	- Thu thập, nhận diện khách hàng truy cập Website và Mobile App làm cơ sở định danh khách hàng thông qua dữ liệu được thu thập từ các kênh sau: + Website; + Mobile App; + Các hệ thống dữ liệu khách hàng bao gồm cơ sở dữ liệu và ứng dụng. - Cung cấp các bộ Báo cáo về thông tin khách hàng đã thu thập; - Số lượng truy cập (unique visit) Website tối thiểu là 60 triệu/năm (tương đương trung bình tối thiểu 5 triệu/tháng) cho năm đầu tiên và tăng tương đối tối thiểu 5%/năm cho các năm tiếp theo; - Số lượng truy cập (unique visit) Mobile APP tối thiểu là 42 triệu/năm (tương đương trung bình tối thiểu 3.5 triệu/tháng) cho năm đầu tiên và tăng tương đối tối thiểu 20%/năm cho các năm tiếp theo.	2 mức là 0 hoặc 20	20	20	Bắt buộc	Có mô tả trong Bản mô tả giải pháp kỹ thuật Có Demo
3	Lập, tinh lọc và phân loại profile khách hàng	- Cho phép cập nhật, bổ sung thông tin khách hàng; - Có cơ chế tự động gộp các profile trùng lặp theo một số rule nhất định và cơ chế ghép thủ công do người dùng tự thực hiện; - Phân tập khách hàng (segmentation) dựa trên tổ hợp các thông tin đã thu thập được dưới dạng: + Giao diện người dùng cuối: kéo, thả; + SQL.	2 mức là 0 hoặc 20	20	20	Bắt buộc	Có mô tả trong Bản mô tả giải pháp kỹ thuật Có Demo

Stt	Nội dung	Yêu cầu kỹ thuật	Điểm chi tiết	Điểm tối thiểu	Điểm tối đa	Phân loại	Ghi chú
4	Cá nhân hóa	Dựa trên các tập khách hàng đã phân loại, hệ thống cho phép: - Nhúng java-script từ hệ thống để tương tác với website; - Nhúng SDK từ hệ thống để tương tác với Mobile App (iOS và Android); - Cá nhân hóa trải nghiệm dựa trên lịch sử truy cập (thời gian xem lần cuối, số lần truy cập, số lần mua hàng...), hành vi của người dùng (đăng nhập, không hoàn thành giao dịch, rời trang,...), các thông tin về người dùng (họ tên, giá trị đơn hàng, lịch sử giao dịch...); - Thực hiện A/B testing nhiều phiên bản khác nhau; - Xây dựng các kịch bản trải nghiệm khác nhau dựa trên dữ liệu thu thập từ người dùng; - Cung cấp các bộ mẫu hiển thị có sẵn, thay đổi giao diện website như: + Thay đổi các yếu tố về hiển thị trên website như: câu chữ, hình ảnh, màu sắc, vị trí nút CTA...; + Tạo được mẫu survey, tặng voucher code, pop-up banner... - Cung cấp các bộ Báo cáo kết quả liên quan đến từng hành trình cá nhân hóa.	2 mức là 0 hoặc 20	20	20	Bắt buộc	Có mô tả trong Bản mô tả giải pháp kỹ thuật Có Demo
5	Gửi thông báo qua trình duyệt (Web push)	- Gửi thông báo qua trình duyệt web có kèm 1 hình ảnh (Rich Push) và dẫn về 2 trang khác nhau (2 CTA button); - Có tính năng gửi Web push tự động theo tập khách hàng, ví dụ: khi người dùng chưa hoàn thành đặt vé hay rời khỏi trang thì gửi push tự động theo kịch bản đã lên sẵn...; - Phân tập người dùng để cá nhân hóa nội dung hiển thị dựa trên lịch sử truy cập (thời gian xem lần cuối, số lần truy cập, số lần mua hàng...), hành vi của người dùng trên website (đăng nhập, không hoàn thành giao dịch, rời trang...) hoặc các thông tin về người dùng (họ tên, giá trị đơn hàng...).	2 mức là 0 hoặc 20	20	20	Bắt buộc	Có mô tả trong Bản mô tả giải pháp kỹ thuật

Stt	Nội dung	Yêu cầu kỹ thuật	Điểm chi tiết	Điểm tối thiểu	Điểm tối đa	Phân loại	Ghi chú
6	Gửi thông báo ứng dụng Mobile (App Push Notifications)	- Gửi thông báo ứng dụng có kèm 1 hình ảnh (Standard, Rich Push) hoặc nhiều hình ảnh (Discovery/Carousel/Slider Push);- Có tính năng gửi App push tự động theo các kịch bản: Conversion Push (khi người dùng chưa hoàn thành đặt vé, Recurring Push (gửi tự động theo định kỳ đã lên sẵn), Geofence Push (gửi tự động theo vị trí địa lý), In-app from Push (App push kết nối với pop-up banner trên App), InTime (tự động điều chỉnh thời gian tối ưu để gửi push ra);- Chia tập người dùng và cá nhân hóa thông điệp dựa trên lịch sử truy cập (thời gian xem lần cuối, số lần truy cập, số lần đặt vé...) , hành vi của người dùng trên ứng dụng (có mở app push không, đăng nhập, bỏ quên đặt vé...) hoặc các thông tin về người dùng (họ tên, giá trị đặt vé...).	2 mức là 0 hoặc 20	20	20	Bắt buộc	Có mô tả trong Bản mô tả giải pháp kỹ thuậtCó Demo
7	Hiển thị thông điệp trong ứng dụng Mobile (In-App Messages)	- Tạo các popup hiển thị trên App theo các template sẵn có (text, hình ảnh, nút chức năng, tặng coupon code);- Có mẫu thu thập email, số điện thoại của người dùng;- Hiển thị số người dùng đang xem/đang đặt vé trên ứng dụng theo thời gian thực;- Tạo các mẫu quảng cáo, marketing tương tác trên Mobile App;- Có chức năng phân phối mã giảm giá đến từng tập khách hàng khác nhau;- Hiển thị đầy đủ điều kiện của phần thưởng (Mã giảm giá, Vé máy bay, Dặm Lotusmiles,...) khi khách trúng thưởng;- Phân chia tập người dùng theo vị trí địa lý, hành vi, lịch sử mua, lịch sử truy cập...	Chấm điểm chi tiết từ 0 đến 20 điểm		20		Có mô tả trong Bản mô tả giải pháp kỹ thuậtCó Demo
8	Tối ưu hiển thị banner	- Hiển thị banner cá nhân hóa cho từng tập người dùng khác nhau theo hành vi trên website; ví dụ: hành trình xem lần cuối, từng xem một hành trình 3 lần...;- Ưu tiên hiển thị banner theo tiêu chí về hành vi người dùng;- Quản trị tần suất hiển thị của banner trên website;- Cài đặt thời gian bắt đầu và kết thúc hiển thị của banner.	Chấm điểm chi tiết từ 0 đến 10 điểm		10		Có mô tả trong Bản mô tả giải pháp kỹ thuật

Stt	Nội dung	Yêu cầu kỹ thuật	Điểm chi tiết	Điểm tối thiểu	Điểm tối đa	Phân loại	Ghi chú
9	Có thuật toán tự học để tự động hóa nội dung	- Có thuật toán tự học để tự động hóa nội dung được target cho khách hàng; - Hỗ trợ và nghiên cứu số liệu một số KPI như giá cả, trực quan, tỷ lệ chuyển đổi...			10		
9.1		Có thuật toán tự học để tự động hóa nội dung được target cho khách hàng	Chấm điểm chi tiết từ 0 đến 5 điểm		5		Có mô tả trong Bản mô tả giải pháp kỹ thuật
9.2		Hỗ trợ và nghiên cứu số liệu một số KPI như giá cả, trực quan, tỷ lệ chuyển đổi...	Chấm điểm chi tiết từ 0 đến 5 điểm		5		Có mô tả trong Bản mô tả giải pháp kỹ thuật
10	Tích hợp và trao đổi dữ liệu	- Có sẵn các bộ API để gửi và nhận dữ liệu với tần suất near-realtime với các hệ thống khác nền tảng; - Có khả năng phát triển thêm API để phù hợp với các yêu cầu phát sinh		10	20		
10.1		Có sẵn các bộ API để gửi và nhận dữ liệu với tần suất near-realtime với các hệ thống khác nền tảng	2 mức là 0 hoặc 10	10	10	Bắt buộc	Có mô tả trong Bản mô tả giải pháp kỹ thuật Có Demo
10.2		Có khả năng phát triển thêm API để phù hợp với các yêu cầu phát sinh	Chấm điểm chi tiết từ 0 đến 10 điểm		10		Có mô tả trong Bản mô tả giải pháp kỹ thuật Có Demo
11	Tích hợp với hệ thống T-DNA	- Công cụ cá nhân hóa cần hỗ trợ kết nối với T-DNA API thông qua giao thức REST và sử dụng OAuth 2.0 để xác thực; - Công cụ cần có khả năng xử lý dữ liệu theo thời gian thực và hỗ trợ định dạng JSON; - Công cụ cần cho phép phân khúc khách hàng dựa trên các thuộc tính trong T-DNA và cá nhân hóa nội dung hiển thị trên website và ứng dụng di động.	Chấm điểm chi tiết từ 0 đến 30 điểm		30		Có mô tả trong Bản mô tả giải pháp kỹ thuật

Stt	Nội dung	Yêu cầu kỹ thuật	Điểm chi tiết	Điểm tối thiểu	Điểm tối đa	Phân loại	Ghi chú
12	Tích hợp với hệ thống CDP	Có khả năng tích hợp với hệ thống CDP của VNA để cá nhân hóa và nâng cao trải nghiệm người dùng	Chấm điểm chi tiết từ 0 đến 30 điểm		30		Có mô tả trong Bản mô tả giải pháp kỹ thuật
VI	Demo	- Có bản DEMO của ít nhất 2 mẫu thiết kế (tại khoản 1.3 mục II) kèm các chức năng phần mềm - Demo sản phẩm đã triển khai cho các Hãng hàng không khác		100	200		
1	Demo các chức năng cơ bản	Demo các chức năng cơ bản		100	100		
1.1	Cấu trúc URL hỗ trợ đa thị trường, đa ngôn ngữ	- Website có cấu trúc URL là hệ thống hỗ trợ đa thị trường, đa ngôn ngữ (tối thiểu hỗ trợ 10 ngôn ngữ như hiện tại, gồm: Việt Nam, Anh, Pháp, Đức, Nhật Bản, Hàn Quốc, Nga, Trung phần thể, Trung giản thể, Thái và có khả năng mở rộng về sau); - Không sử dụng parameter trong URL (ví dụ: /news/promotion/summer-2013/ thay cho /news/promotion?id=123) để phù hợp cho SEO và việc cache content theo url sau này; - URL có thể hiển thị bằng nhiều ngôn ngữ khác nhau (ví dụ: https://www.vietnamairlines.com/vi-vn/vé-máy-bay-từ-hà-nội). - Cấu trúc URL phải ở dạng thân thiện, dễ đọc, có ý nghĩa với người dùng. Hệ thống cho phép chỉnh sửa các URL theo yêu cầu quản trị; - Hệ thống hỗ trợ đầy đủ các location hiện có và có khả năng mở rộng thêm các location về sau	2 mức là 0 hoặc 10	10	10	Bắt buộc	Có Demo

Stt	Nội dung	Yêu cầu kỹ thuật	Điểm chi tiết	Điểm tối thiểu	Điểm tối đa	Phân loại	Ghi chú
1.2	Quản lý cookies	- Hệ thống có cơ chế tự động nhận dạng người dùng để chuyển người dùng về ngôn ngữ và thị trường tương ứng thông qua cookies của lần truy cập trước hoặc nhận dạng theo địa chỉ IP của trình duyệt. Cơ chế chuyển tự động hoặc thủ công; - Ghi nhận và quản lý cookies: + Có trang popup show consent cookies có thông tin policy và nút accept, reject + Có trang cookies management để quản lý việc cho phép user vào thay đổi lại lựa chọn. Trang gồm nhiều tùy chọn cookies khác nhau như Essential Cookies và Non-essential Cookies như: Ease of use, Analytic, Marketing... + Website VNA cần cho phép khách Agree hoặc Disagree tại Banner Cookies xuất hiện khi Khách truy cập. Nếu Khách chọn Disagree, VNA không được xử lý các Non-essential Cookies nhưng vẫn được xử lý Essential Cookies. + Website phải xây dựng cơ chế cho phép khách hàng lựa chọn mục đích sử dụng các cookies (đặc biệt là Analytics cookies, Advertising Cookies, Marketing cookies). Website VNA chỉ thực hiện xử lý các Cookies này trên cơ sở các lựa chọn của khách hàng. Khách hàng phải được truy cập và điều chỉnh Cookies management/preference bất cứ lúc nào. Ví dụ: trong trường hợp khách đã “Agree” (tức là VNA có quyền thu thập cookies để advertise hoặc analytize hoặc tạo profile), sau đó khách muốn thay đổi sự chấp thuận này, khách có thể truy cập Cookies management/preference trên website VNA để thay đổi (enable các mục đích đó).	2 mức là 0 hoặc 10	10	10	Bắt buộc	Có Demo

Stt	Nội dung	Yêu cầu kỹ thuật	Điểm chi tiết	Điểm tối thiểu	Điểm tối đa	Phân loại	Ghi chú
1.3	Công cụ tìm kiếm nội bộ website	- Có công cụ tìm kiếm riêng trên website VNA; - Tìm kiếm theo dạng gần đúng hoặc chính xác từ khóa; - Hiện thị các dự đoán trước từ khóa tìm kiếm dựa trên từ khóa nhập vào; - Công cụ tìm kiếm kết hợp AI-ML (máy học) để gợi ý các kết quả tìm kiếm của người dùng dựa trên các tìm kiếm trước đó.	2 mức là 0 hoặc 10	10	10	Bắt buộc	Có Demo
1.4	Giao diện Responsive Web Design	- Website có các phiên bản thiết kế độc lập cho từng loại kích thước màn hình (Desktop, Laptop, Tablet, Mobile) và khả năng tùy biến, hiển thị tối ưu trên các thiết bị và màn hình có độ phân giải khác nhau và trên phiên bản mới nhất; - Website đặt trọng tâm thiết kế ưu tiên (Mobile First) dành cho Mobile -> Tablet -> Laptop -> Desktop .	2 mức là 0 hoặc 10	10	10	Bắt buộc	Có Demo
1.5	Chức năng chỉnh sửa ảnh, nén ảnh	- Có chức năng chỉnh sửa ảnh ít nhất có: resize, crop; - Tự động nén ảnh khi được tải lên; - Hệ thống tự động chuyển đổi hình ảnh sang các định dạng hình ảnh thế hệ mới như AVIF và WebP để cải thiện tốc độ tải trang nhanh hơn.	2 mức là 0 hoặc 10	10	10	Bắt buộc	Có Demo
1.6	Workflow	Cho phép tạo yêu cầu hai hoặc nhiều phê duyệt cho bất kỳ nội dung nào để đảm bảo quản trị nội dung phù hợp.	2 mức là 0 hoặc 10	10	10	Bắt buộc	Có Demo
1.7	Quản lý phiên bản nội dung trang	Có cơ chế hiển thị và so sánh nội dung từ 2 phiên bản ngôn ngữ của 1 nội dung trên cùng 1 màn hình quản trị	2 mức là 0 hoặc 10	10	10	Bắt buộc	Có Demo
1.8	Có công cụ quản trị SEO của trang	Bao gồm nhưng không giới hạn bởi: title, description, keywords, alt, images. Dữ liệu meta data được cập nhật và hiển thị tốt như các nội dung hiển thị khác. SEO theo từng nội dung và ngôn ngữ	2 mức là 0 hoặc 10	10	10	Bắt buộc	Có Demo
1.9	Activity log file	- Cho phép lưu trữ và tra cứu lại toàn bộ hành vi hoạt động của người quản trị và khách hàng; - Có cơ chế tạo báo cáo thống kê theo lịch thiết lập: các content được chỉnh sửa, user chỉnh sửa/approve, thời gian chỉnh sửa.	2 mức là 0 hoặc 10	10	10	Bắt buộc	Có Demo

Stt	Nội dung	Yêu cầu kỹ thuật	Điểm chi tiết	Điểm tối thiểu	Điểm tối đa	Phân loại	Ghi chú
1.10	Demo các tính năng cơ bản của chương trình khách hàng thường xuyên	- Nội dung về chương trình khách hàng thân thiết, khác hàng trung thành; - Trang login vào chương trình khách hàng thân thiết, khác hàng trung thành; - Các tính năng trong module của chương trình khách hàng thân thiết, khác hàng trung thành: + Xem profile hội viên: tên, ngày tháng năm sinh, số điện thoại, email, v.v; + Xem thông tin tài khoản hội viên: hạng thẻ, dặm bay, v.v; + Xem lịch sử giao dịch của hội viên; + Thay đổi mật khẩu/cấp lại mật khẩu; + Đăng ký hội viên; + Chức năng trả thưởng.	2 mức là 0 hoặc 10	10	10	Bắt buộc	Có Demo
2	Demo các chức năng nâng cao	Demo các chức năng nâng cao			100		
2.1	Headless CMS	- CMS là dạng Headless cho phép quản trị thống nhất nội dung cho các nền tảng Web, App, Refx, ARDWeb, NDC, AIDL, TAP, Thiết bị Quảng cáo điện tử, Mạng xã hội, Kiosk ...;- CMS cung cấp, phân phối nội dung cho các nền tảng Web, App, Refx, ARDWeb, NDC, AIDL, TAP, Thiết bị Quảng cáo điện tử, Mạng xã hội, Kiosk ... thông qua API/WebService và hiển thị được hình ảnh, nội dung về máy bay, dịch vụ, sản phẩm hỗ trợ ... trên IBE	Chấm điểm chi tiết từ 0 đến 10 điểm		10		Có Demo
2.2	Nhận diện khách hàng truy cập	Thu thập, nhận diện khách hàng truy cập Website và Mobile App làm cơ sở định danh khách hàng thông qua dữ liệu được thu thập từ các kênh sau: + Website; + Mobile App; + Các hệ thống dữ liệu khách hàng bao gồm cơ sở dữ liệu và ứng dụng.	Chấm điểm chi tiết từ 0 đến 10 điểm		10		Có Demo
2.3	Lập, tinh lọc và phân loại profile khách hàng	- Cho phép cập nhật, bổ sung thông tin khách hàng; - Có cơ chế tự động gộp các profile trùng lặp theo một số rule nhất định và cơ chế ghép thủ công do người dùng tự thực hiện; - Phân tập khách hàng (segmentation) dựa trên tổ hợp các thông tin đã thu thập được dưới dạng:	Chấm điểm chi tiết từ 0 đến 10 điểm		10		Có Demo

Stt	Nội dung	Yêu cầu kỹ thuật	Điểm chi tiết	Điểm tối thiểu	Điểm tối đa	Phân loại	Ghi chú
		+ Giao diện người dùng cuối: kéo, thả; + SQL.					
2.4	Cá nhân hóa	Dựa trên các tập khách hàng đã phân loại, hệ thống cho phép:- Nhúng java-script từ hệ thống để tương tác với website;- Nhúng SDK từ hệ thống để tương tác với Mobile App (iOS và Android);- Cá nhân hóa trải nghiệm dựa trên lịch sử truy cập (thời gian xem lần cuối, số lần truy cập, số lần mua hàng...), hành vi của người dùng (đăng nhập, không hoàn thành giao dịch, rời trang,...), các thông tin về người dùng (họ tên, giá trị đơn hàng, lịch sử giao dịch...); - Thực hiện A/B testing nhiều phiên bản khác nhau;- Xây dựng các kịch bản trải nghiệm khác nhau dựa trên dữ liệu thu thập từ người dùng;- Cung cấp các bộ mẫu hiển thị có sẵn, thay đổi giao diện website như: + Thay đổi các yếu tố về hiển thị trên website như: câu chữ, hình ảnh, màu sắc, vị trí nút CTA...; + Tạo được mẫu survey, tặng voucher code, pop-up banner...- Cung cấp các bộ Báo cáo kết quả liên quan đến từng hành trình cá nhân hóa.	Chấm điểm chi tiết từ 0 đến 10 điểm		10		Có Demo
2.5	Gửi thông báo qua trình duyệt (Web push)	Có tính năng gửi Web push tự động theo tập khách hàng, ví dụ: khi người dùng chưa hoàn thành đặt vé hay rời khỏi trang thì gửi push tự động theo kịch bản đã lên sẵn...	Chấm điểm chi tiết từ 0 đến 10 điểm		10		Có Demo
2.6	Gửi thông báo ứng dụng Mobile (App Push Notifications)	Có tính năng gửi App push tự động theo kịch bản Conversion Push (khi người dùng chưa hoàn thành đặt vé)	Chấm điểm chi tiết từ 0 đến 10 điểm		10		Có Demo
2.7	Tích hợp và trao đổi dữ liệu	- Có sẵn các bộ API để gửi và nhận dữ liệu với tần suất near-realtime với các hệ thống khác nền tảng;- Có khả năng phát triển thêm API để phù hợp với các yêu cầu phát sinh.	Chấm điểm chi tiết từ 0 đến 10 điểm		10		Có Demo

Stt	Nội dung	Yêu cầu kỹ thuật	Điểm chi tiết	Điểm tối thiểu	Điểm tối đa	Phân loại	Ghi chú
2.8	Demo các tính năng nâng cao của chương trình khách hàng thường xuyên	Các tính năng trong module của chương trình khách hàng thân thiết, khác hàng trung thành: - Mua bán, chuyển nhượng dặm bay, chặng bay; - Cộng bù dặm thưởng còn thiếu; - Công cụ tính dặm tích lũy/trả thưởng; - Ưu đãi của tôi; - Từ thiện dặm thưởng; - Chuyển đổi dặm thưởng sang dặm xét - Gia hạn dặm; - Khôi phục dặm hết hạn; - Các tính năng khác.	Chấm điểm chi tiết từ 0 đến 10 điểm		10		Có Demo
2.9	Tổ chức các dịch vụ mới	Tổ chức các dịch vụ mới như Pre-paid meal, Lotus Shop, VNA Mall, các dịch vụ Tailor made (chúc mừng sinh nhật, tổ chức cầu hôn ...)	Chấm điểm chi tiết từ 0 đến 10 điểm		10		Có Demo
2.10	Tổ chức các journey và game	Tổ chức các journey và game trên Website như Xây dựng Menu ăn uống mà khách thích nhất, trải nghiệm lý tưởng của hành khách...	Chấm điểm chi tiết từ 0 đến 10 điểm		10		Có Demo
	Tổng điểm			700	1000		

II. YÊU CẦU KỸ THUẬT BẮT BUỘC

Stt	Nội dung	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu của VNA	Mức độ đáp ứng	
				Đạt	Không đạt
VII	Yêu cầu về hệ thống Cloud Hosting				
1	Mô hình triển khai	Triển khai theo mô hình Cloud Hosting	Có mô tả trong Bản mô tả giải pháp kỹ thuật	Có	Không có
2	Yêu cầu chịu tải	Hệ thống Hosting đảm bảo mức độ chịu tải tính theo lượng request đồng thời/01 giây (Hits/giây) đáp ứng theo yêu cầu tối thiểu như sau: - Năm 01: 200 Hits/giây; - Năm 02: 340 Hits/giây; - Năm 03: 450 Hits/giây; - Năm 04: 580 Hits/giây; - Năm 05: 750 Hits/giây. Lượng request được tính theo request hợp lệ truy cập trực tiếp đến hệ thống server gốc.	Có mô tả trong Bản mô tả giải pháp kỹ thuật	Có	Không có
3	Yêu cầu về năng lực performance hệ thống	Đảm bảo cung cấp hosting nhằm đáp ứng performance hệ thống luôn đạt dưới ngưỡng 75%. Trong bất cứ trường hợp gây vượt ngưỡng, NCC có trách nhiệm bổ sung hạ tầng phần cứng máy chủ, băng thông.. nhằm đáp ứng tiêu chuẩn này.	Có mô tả trong Bản mô tả giải pháp kỹ thuật	Có	Không có
4	Lưu trữ	Đảm bảo lưu trữ toàn bộ dữ liệu phục vụ cho website trong thời gian cung cấp dịch vụ	Có mô tả trong Bản mô tả giải pháp kỹ thuật	Có	Không có
5	Giải pháp cân bằng tải	Có giải pháp cân bằng tải nhằm phân tải lượng truy cập cũng như đảm bảo chất lượng dịch vụ. NCC cần cung cấp giải pháp cân bằng tải tương ứng.	Có mô tả trong Bản mô tả giải pháp kỹ thuật	Có	Không có
6	Hệ thống giám sát				
6.1	Hệ thống thu thập dữ liệu và giám sát	Có hệ thống thu thập dữ liệu và giám sát vận hành dưới dạng log, số liệu và sự kiện để cung cấp cái nhìn thống nhất về tài nguyên, ứng dụng và dịch vụ chạy trên hệ thống	Có mô tả trong Bản mô tả giải pháp kỹ thuật	Có	Không có
6.2	Công cụ giám sát	Có công cụ giám sát WebPortal cung cấp cho khách hàng sử dụng số liệu thời gian thực về hiệu suất và độ tin cậy của website và ứng dụng	Có mô tả trong Bản mô tả giải pháp kỹ thuật	Có	Không có
6.3	Phân loại dữ liệu	Có khả năng giám sát và phân loại dữ liệu dựa trên các điều kiện như băng thông sử dụng, thời gian hoạt động	Có mô tả trong Bản mô tả giải pháp kỹ thuật	Có	Không có
7	Hệ thống quản trị và theo dõi hoạt động	Hệ thống quản trị và theo dõi hoạt động website và ứng dụng dưới dạng log, số liệu và	Có mô tả trong Bản mô tả	Có	Không có

Stt	Nội dung	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu của VNA	Mức độ đáp ứng	
				Đạt	Không đạt
		sự kiện để cung cấp cái nhìn thống nhất về hệ thống	tả giải pháp kỹ thuật		
8	Phạm vi triển khai: Áp dụng đối với website tại địa chỉ: www.vietnamairlines.com	Bao gồm toàn bộ thông tin được lưu trữ tại host có domain vietnamairlines.com. Có khả năng mở rộng thêm các website khác của TCTHK	Có mô tả trong tài liệu kỹ thuật	Có	Không có
9	Vị trí và yêu cầu nhà cung cấp Cloud Hosting				
9.1	Nhà cung cấp cloud hosting	- Sử dụng dịch vụ Cloud Hosting của một trong các nhà cung cấp như: Amazon Web Services, Microsoft Azure, Google Cloud Platform, VNPT, Viettel, FPT, CMC. - Kết nối, hoạt động tốt với hệ thống CDN cung cấp cho website của VNA.	Có mô tả trong Bản mô tả giải pháp kỹ thuật	Có	Không có
9.2	Vị trí đặt server	Đạt tiêu chuẩn Tier 3 trở lên	- Nhà cung cấp cloud có tối thiểu 01 trụ sở đặt server tại Việt Nam và đạt tiêu chuẩn Tier 3. - Có mô tả trong Bản mô tả giải pháp kỹ thuật	Có	Không có
9.3	Vị trí DR, DC	NCC phải có tối thiểu 01 trung tâm DC và 01 DR đạt Tier 3 trở lên và cách nhau tối thiểu 50km đường thẳng.	Có mô tả trong Bản mô tả giải pháp kỹ thuật	Có	Không có
10	Tốc độ truy cập				
10.1	Tốc độ đáp ứng nhanh	Dưới 4s để load đầy đủ nội dung 1 trang có dung lượng đến 9 MB (thực hiện tại Việt Nam)	Có mô tả trong Bản mô tả giải pháp kỹ thuật	Có	Không có
10.2	Đo đạc kiểm thử	- Công cụ thực hiện: sử dụng Google PageSpeed Insights; - Thông số đo: Điểm số chung (Overall) đạt tối thiểu 50 điểm đối với desktop và 30 điểm đối với Mobile; - Thời gian đo: thực hiện đo tối thiểu 5 lần trong 01 ngày; - Trang đo đạc: Trang chủ (Tiếng Việt) của thị trường Việt Nam;	Cam kết tuân thủ theo phương pháp và cách thức đo đạc theo yêu cầu kỹ thuật này	Có	Không có

Stt	Nội dung	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu của VNA	Mức độ đáp ứng	
				Đạt	Không đạt
		Công cụ đo đặc kiểm thử có thể thay đổi tại thời điểm nghiệm thu trong trường hợp có sự thay đổi về công cụ Google PageSpeed Insights dẫn đến không thể thực hiện được.			
11	Mô hình hệ thống	Cung cấp tài liệu mô hình hệ thống Cloud Hosting đảm bảo SLA đạt tối thiểu 99,9%	Có mô tả trong Bản mô tả giải pháp kỹ thuật	Có	Không có
12	Sao lưu và khôi phục	- Có cơ chế sao lưu hàng tuần các máy chủ và cơ sở dữ liệu của Website VNA như các máy chủ Web, máy chủ CSDL...; - Có khả năng sao lưu tập trung và tự động hóa, có hệ thống giám sát hoạt động sao lưu.	Có mô tả trong Bản mô tả giải pháp kỹ thuật	Có	Không có
13	Bảo mật				
13.1	Cơ chế chống tấn công	Hệ thống Website phải hỗ trợ khả năng bảo mật cao. Có cơ chế chống lại các loại tấn công phổ biến (SQL Injection, Flood, DOS/DDOS) thông qua các thành phần Firewall/IPS/IDS/WAF....	Có mô tả trong Bản mô tả giải pháp kỹ thuật	Có	Không có
13.2	Cơ chế xác thực, mã hóa	Thực hiện các cơ chế xác thực, cấp phép truy cập trên cổng thông tin, đồng thời hỗ trợ cơ chế trao đổi thông tin, dữ liệu được mã hóa đảm bảo an toàn cho hệ thống cổng thông tin trong quá trình khai thác, vận hành	Có mô tả trong Bản mô tả giải pháp kỹ thuật	Có	Không có
13.3	SSL	Có hỗ trợ SSL để bảo mật thông tin khách, tránh nghe lén	Có mô tả trong Bản mô tả giải pháp kỹ thuật	Có	Không có
13.4	Cập nhật bản vá	Thường xuyên cập nhật các bản vá lỗi phần mềm	Có mô tả trong Bản mô tả giải pháp kỹ thuật	Có	Không có
13.5	Phần mềm Antivirus	Có phần mềm Antivirus, đa nền tảng, được cập nhật thường xuyên.	Có mô tả trong Bản mô tả giải pháp kỹ thuật	Có	Không có
13.6	Yêu cầu tuân thủ ANTT	Cam kết tuân thủ luật của Việt Nam (như: luật an toàn thông tin mạng, luật an ninh mạng...) cũng như của TCTHK	Có mô tả trong Bản mô tả giải pháp kỹ thuật	Có	Không có
13.7	Yêu cầu khác	Có biện pháp đảm bảo ANTT cho hệ thống ứng dụng bao gồm nhưng không giới hạn: Có hệ thống tường lửa thông minh, WAF thông minh bảo vệ, có giải pháp phòng chống tấn công APT.	Có mô tả trong Bản mô tả giải pháp kỹ thuật	Có	Không có
14	Kết nối CDN	Kết nối, hoạt động tốt với hệ thống CDN cung cấp cho website của VNA	Có mô tả trong Bản mô	Có	Không có

Stt	Nội dung	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu của VNA	Mức độ đáp ứng	
				Đạt	Không đạt
			tả giải pháp kỹ thuật		
15	Bảng thông kết nối	- Bảng thông trong nước: tối thiểu 01 Gbps; - Bảng thông quốc tế: tối thiểu 20 Mbps; - NCC cam kết toàn bộ dữ liệu trao đổi vào ra hệ thống (Data Transfer in/out) trên toàn bộ các hướng kết nối Internet Public cũng như Private Line miễn phí trong thời gian có hiệu lực của hợp đồng dịch vụ.	Có mô tả trong Bản mô tả giải pháp kỹ thuật	Có	Không có
16	Nâng cấp và mở rộng	Hệ thống thiết kế có khả năng nâng cấp đáp ứng yêu cầu phát triển của website theo từng năm và theo từng chiến dịch bán của VNA	Có mô tả trong Bản mô tả giải pháp kỹ thuật	Có	Không có
17	IP Public	Cung cấp cho hệ thống tối thiểu 08 IP Public v4 và 08 IP Public v6 để sử dụng cho các thành phần máy chủ	Có mô tả trong Bản mô tả giải pháp kỹ thuật	Có	Không có
18	Chất lượng hệ thống				
18.1	SLA	Cam kết SLA đạt tối thiểu 99,9%	Có cam kết	Có	Không có
18.2	Hỗ trợ kỹ thuật	Cam kết hỗ trợ kỹ thuật 24/7/365	Có cam kết	Có	Không có
VIII	Yêu cầu về Dịch vụ Bảo trì và Đảm bảo hoạt động				
1	Dịch vụ	Cam kết cung cấp Dịch vụ Bảo trì và ĐBHD của chính hãng trong thời gian cung cấp dịch vụ	Có cam kết trong Tài liệu về Phương án hosting, bảo trì, đảm bảo hoạt động website	Có	Không có
2	Bản quyền phần mềm	Đảm bảo đầy đủ bản quyền phần mềm			
2.1	Bản quyền các phần mềm liên quan	Hệ thống có đầy đủ bản quyền các phần mềm liên quan như: CMS, CEM, Hệ điều hành, hệ quản trị cơ sở dữ liệu và các phần mềm liên quan khác.	Có cam kết trong Tài liệu về Phương án hosting, bảo trì, đảm bảo hoạt động website	Có	Không có
2.2	Nâng cấp	Hỗ trợ nâng cấp định kỳ, miễn phí phiên bản phần mềm chính hãng trong thời gian cung cấp dịch vụ	Có cam kết trong Tài liệu về Phương án hosting, bảo trì, đảm bảo hoạt động website	Có	Không có

Stt	Nội dung	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu của VNA	Mức độ đáp ứng																					
				Đạt	Không đạt																				
3	Số lượng truy cập																								
3.1	Số lượng truy cập	Website đáp ứng tối thiểu số lượng người dùng truy cập đồng thời như sau: Stt Thời gian Trung bình số lượng người dùng truy cập đồng thời Số lượng người dùng truy cập đồng thời tại thời điểm cao nhất <table><tr><td>1</td><td>Năm thứ 1</td><td>1.500</td><td>9.000</td></tr><tr><td>2</td><td>Năm thứ 2</td><td>2.000</td><td>10.000</td></tr><tr><td>3</td><td>Năm thứ 3</td><td>2.200</td><td>10.500</td></tr><tr><td>4</td><td>Năm thứ 4</td><td>2.400</td><td>11.000</td></tr><tr><td>5</td><td>Năm thứ 5</td><td>2.600</td><td>11.500</td></tr></table>	1	Năm thứ 1	1.500	9.000	2	Năm thứ 2	2.000	10.000	3	Năm thứ 3	2.200	10.500	4	Năm thứ 4	2.400	11.000	5	Năm thứ 5	2.600	11.500	Có cam kết trong Tài liệu về Phương án hosting, bảo trì, đảm bảo hoạt động website	Có	Không có
1	Năm thứ 1	1.500	9.000																						
2	Năm thứ 2	2.000	10.000																						
3	Năm thứ 3	2.200	10.500																						
4	Năm thứ 4	2.400	11.000																						
5	Năm thứ 5	2.600	11.500																						
3.2	Mở rộng	Có cơ chế mở rộng khi tăng số lượng truy cập: Quá trình mở rộng sẽ không phải cài đặt lại và không gián đoạn ảnh hưởng tới hoạt động dịch vụ	Có cam kết trong Tài liệu về Phương án hosting, bảo trì, đảm bảo hoạt động website	Có	Không có																				
4	Đồng bộ dữ liệu	Đảm bảo kết nối đồng bộ dữ liệu giữa hệ thống quản trị nội dung và hệ thống hiển thị cho khách hàng	Có cam kết trong Tài liệu về Phương án hosting, bảo trì, đảm bảo hoạt động website	Có	Không có																				
5	Tích hợp với bên thứ 3	Hỗ trợ tích hợp miễn phí dịch vụ của bên thứ 3: Thiết kế giao diện, phát triển, kết nối và duy trì các ứng dụng, chức năng mới thông qua tích hợp với ứng dụng, API/Webservices do VNA hoặc bên thứ 3 cung cấp	Có cam kết trong Tài liệu về Phương án hosting, bảo trì, đảm bảo hoạt động website	Có	Không có																				
6	Nâng cấp/phát triển chức năng cho Website	Thiết kế giao diện, bổ sung, chỉnh sửa chức năng cho Website miễn phí trong suốt thời gian thuê dịch vụ (không làm thay đổi kiến trúc của Website đã được hai bên thống nhất), bao gồm cả việc coding hỗ trợ thay đổi giao diện, hiệu chỉnh hoặc nâng cấp bổ sung các tính năng trên website	Có cam kết trong Tài liệu về Phương án hosting, bảo trì, đảm bảo hoạt động website	Có	Không có																				
7	Tối ưu hóa website	Trên cơ sở phân tích hành vi người dùng, định kỳ chỉnh sửa, tối ưu hóa website	Có cam kết trong Tài liệu về Phương án hosting, bảo trì, đảm bảo hoạt động website	Có	Không có																				

Stt	Nội dung	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu của VNA	Mức độ đáp ứng	
				Đạt	Không đạt
8	Có hệ thống giám sát theo thời gian thực	Cung cấp công cụ giám sát cho VNA	Có mô tả trong Bản mô tả giải pháp kỹ thuật	Có	Không có
10	Hệ thống báo cáo	Hệ thống báo cáo theo mẫu hoặc tùy biến theo yêu cầu của VNA	Có cam kết trong Tài liệu về Phương án hosting, bảo trì, đảm bảo hoạt động website	Có	Không có
11	Sao lưu và Dự phòng				
11.1	Sao lưu	Dữ liệu được sao lưu (backup) hàng ngày và hàng tuần, đảm bảo sẵn sàng cho việc khôi phục (restore) hệ thống khi cần	Có mô tả trong Bản mô tả giải pháp kỹ thuật	Có	Không có
11.2	Dự phòng	Có cơ chế dự phòng cho hệ thống máy chủ ứng dụng	Có mô tả trong Bản mô tả giải pháp kỹ thuật	Có	Không có
12	Chất lượng hệ thống				
12.1	SLA	Cam kết SLA đạt tối thiểu 99.9%	Có cam kết trong Tài liệu về Phương án hosting, bảo trì, đảm bảo hoạt động website	Có	Không có
12.2	Hỗ trợ kỹ thuật	Cam kết hỗ trợ kỹ thuật 24/7	Có cam kết trong Tài liệu về Phương án hosting, bảo trì, đảm bảo hoạt động website	Có	Không có
IX	Yêu cầu về Bảo mật, ATTT				
1	Khả năng chống tấn công	Hệ thống có khả năng tích hợp được với giải pháp phòng chống tấn công DDos và Botnet để có khả năng chống được loại các tấn công phá hoại website như DoS/DDos ở lớp mạng và ở lớp ứng dụng và chống lại được các hình thức tấn công flood, các công cụ cố ý tự động truy cập số lượng lớn	Có mô tả trong Bản mô tả giải pháp kỹ thuật	Có	Không có

Stt	Nội dung	Yêu cầu kỹ thuật	Yêu cầu của VNA	Mức độ đáp ứng	
				Đạt	Không đạt
2	Chống crosssite scripting và click jacking, sql injection	Hệ thống có khả năng tích hợp được với giải pháp bảo vệ Website để chống được tấn công cross-site scripting, click jacking, sql injection và các hình thức tấn công khác tối thiểu trong top 10 OWASP	Có mô tả trong Bản mô tả giải pháp kỹ thuật	Có	Không có
3	Cập nhật bản vá	Các thành phần phần mềm hệ thống Web mà NCC cung ứng cho TCTHK phải thường xuyên được cập nhật các bản vá theo qui định/thông báo của hãng sản xuất và không phát sinh chi phí	Có mô tả trong Bản mô tả giải pháp kỹ thuật	Có	Không có
4	Sao lưu và khôi phục	NCC phải thực hiện sao lưu dữ liệu định kỳ theo ngày và có cơ chế khôi phục nhanh	Có mô tả trong Bản mô tả giải pháp kỹ thuật	Có	Không có
5	Bảo mật, mã hóa	Hệ thống web được thiết kế và vận hành đảm bảo toàn bộ các kết nối vào ra hệ thống phải đảm bảo bảo mật, mã hóa thông tin kênh truyền qua HTTPS	Có mô tả trong Bản mô tả giải pháp kỹ thuật	Có	Không có
6	Đánh giá ATTT phần mềm	Cam kết phối hợp với TCTHK để đánh giá ANTT phần mềm khi TCTHK yêu cầu	Có mô tả trong Bản mô tả giải pháp kỹ thuật	Có	Không có
7	Khắc phục các lỗ hổng bảo mật	Cam kết chịu mọi chi phí liên quan đến khắc phục các lỗ hổng bảo mật liên quan đến mã nguồn phần mềm do TCTHK phát hiện trong quá trình khai thác hệ thống phần mềm	Có mô tả trong Bản mô tả giải pháp kỹ thuật	Có	Không có
8	Yêu cầu ANTT	Cam kết đáp ứng các yêu cầu ANTT theo Quy định phân cấp độ hệ thống CNTT theo Thông tư 12/2022/TT-BTTTT hướng dẫn Nghị định 85 và Nghị định 53/2022/NĐ-CP hướng dẫn Luật An ninh mạng	Có mô tả trong Bản mô tả giải pháp kỹ thuật	Có	Không có
X	Yêu cầu khác				
1	Cập nhật giải pháp	Chức năng CMS, CEM liên tục được cập nhật các bản nâng cấp miễn phí từ nhà cung cấp	Có cam kết	Có	Không có
2	Trình duyệt	Trình duyệt: hỗ trợ tối thiểu các trình duyệt Edge, Firefox, Chrome, Safari, Cốc Cốc, Opera	Có cam kết	Có	Không có
3	Đối tác	Yêu cầu một nhà cung cấp trọn gói các dịch vụ: thiết kế và xây dựng website; Hosting; Bảo trì và đảm bảo hoạt động website	Có cam kết	Có	Không có

PHỤ LỤC 02: CÁC HỆ THỐNG/ỨNG DỤNG/CHỨC NĂNG CẦN TÍCH HỢP

STT	Tên chức năng	Mô tả	Phương thức Kết nối	Nền tảng	Đối tác thứ 3
1	Mua vé	- Cho phép hành khách lựa chọn thông tin hành trình (Điểm đi, Điểm đến, Ngày Đi/Về, Số lượng khách...); - Dữ liệu lấy từ CMS; - Tìm kiếm sẽ redirect tham số tương ứng sang https://booking.vietnamairlines.com .	API 1A	Sitecore 7	FPT
2	Quản lý đặt chỗ	- Cho phép hành khách tra cứu thông tin của vé đã đặt (Hành trình, danh sách khách...), Mua Dịch vụ bổ trợ (Hành lý, Nâng hạng, Chỗ ngồi, Dịch vụ đặc biệt ...) và Hỗ trợ sau bán (Xuất hóa đơn, Đổi chuyến, Hoàn vé, Hủy đặt chỗ...), Thanh toán trả sau, Cập nhật Email...; - Tìm kiếm sẽ redirect tham số tương ứng sang https://booking.vietnamairlines.com .	API 1A API FPT	Sitecore 7	FPT
3	Làm thủ tục trực tuyến	- Cho phép hành khách làm thủ tục trực tuyến hoặc hủy check-in; - Truyền tham số tương ứng sang https://booking.vietnamairlines.com .	API 1A	Sitecore 7	FPT
4	Khách sạn	- Cho phép hành khách đặt khách sạn trực tuyến; - Nhúng JS của Đối tác thứ 3.	NHÚNG JS/ IFRAME		Booking.com
5	Klook	- Cho phép hành khách đặt dịch vụ du lịch (Tour, vé tham quan, khách sạn, di chuyển, thuê xe tự lái...) trực tuyến; - Nhúng JS của Đối tác thứ 3.	NHÚNG JS/ IFRAME		Klook
6	Redeem Voucher	- Cho phép hành khách sử dụng voucher để mua vé; - Redirect sang website Đối tác thứ 3 (https://voucher.vietnamairlines.com).	LINK		FPT
7	Lịch Bay	- Cho phép hành khách tra cứu lịch bay trực tuyến; - Dữ liệu sân bay lấy từ CMS; - Tìm kiếm sẽ redirect tham số tương ứng sang https://booking.vietnamairlines.com .	API 1A	Sitecore 7	FPT
8	Hủy đặt chỗ	- Cho phép hành khách hủy chỗ theo điều kiện: vé online, chuyến nội địa, trước giờ bay; - Gọi API 1A để validate thông tin PNR, hiện thông tin hành, trình hủy chỗ.	API FPT	Sitecore 7	FPT

STT	Tên chức năng	Mô tả	Phương thức Kết nối	Nền tảng	Đối tác thứ 3
9	Đón tiễn tại sân bay	Cho phép hành khách đặt dịch vụ đón tiễn tại sân bay	LINK		NASCO
10	Thuê xe tự lái	Cho phép hành khách đặt dịch vụ thuê xe tự lái	LINK		NASCO
11	Gọi xe sân bay	Cho phép hành khách đặt dịch vụ xe sân bay	LINK		NASCO
12	Gói cước Viettel	Cho phép hành khách đặt dịch vụ viễn thông	LINK		VIETTEL
13	Bản đồ dẫn đường sân bay	- Cho phép hành khách tra bản đồ tại các sân bay trong và ngoài nước; - Nhúng iframe.	NHÚNG JS/ IFRAME		Mobisoft
14	Phản hiển thị giá EveryMundo trên trang chủ	- Cho phép hành khách tra cứu thông tin giá theo hành trình, ngày bay; - Nhúng thư viện JS của Mundo.	NHÚNG JS/ IFRAME		Every Mundo
15	Nhận diện location theo IP và hiển thị tên Đài Loan/Đài Loan-Trung Quốc	- Hiện thị thông tin quốc gia theo IP truy cập, áp dụng riêng cho Đài Loan; - Detect theo IP client; - CSDL IP do NCC cung cấp.	CHỨC NĂNG WEBSITE	Sitecore 7	FPT
16	Nhận diện Location theo IP truy cập và hiển thị location/Language phù hợp với người dùng	- Hiện thị thông tin quốc gia theo IP truy cập để tự động lựa chọn quốc gia, ngôn ngữ; - Detect theo IP client; - CSDL IP do NCC cung cấp.	CHỨC NĂNG WEBSITE	Sitecore 7	FPT
17	Thông báo đồng tiền thanh toán theo Location khách chọn	- Hiện thị thông tin đồng tiền thanh toán theo quốc gia, ngôn ngữ; - Detect theo IP client và Country Code để thông báo.	CHỨC NĂNG WEBSITE	Sitecore 7	FPT
18	ChatBot	- Cho phép tích hợp chatbot vào website; - Nhúng thư viện JS của FPTChatbot.	NHÚNG JS/ IFRAME		FPT
19	Các nội dung do Insider cung cấp	- Hiện thị thông tin về in-story trên trang Home; - Nhúng thư viện JS của Insider, FPT không quản lý nội dung Insider cung cấp.	NHÚNG JS/ IFRAME		FPT

STT	Tên chức năng	Mô tả	Phương thức Kết nối	Nền tảng	Đối tác thứ 3
20	Tra cứu tiêu chuẩn hành lý	Cho phép khách hàng tra cứu thông tin về tiêu chuẩn hành lý, dựa trên hành trình, hạng vé. Module có chức năng quản trị dữ liệu đầu vào thông qua file excel hoặc CSV. 1. Nhân viên VNA thực hiện import file Excel thông tin hành lý vào hệ thống SSRM máy chủ đặt tại VNA có địa chỉ IP Lan: 10.1.10.94 và IP public: 183.90.160.44 port 8903; 2. Nhân viên VNA thực hiện cập nhật thông tin hành lý nếu có thay đổi đối so với dữ liệu đã được import từ file Excel; 3. Người dùng website truy cập trang “Tra cứu thông tin hành lý” và nhập thông tin tìm kiếm; 4. Người dùng bấm chọn nút “Tìm kiếm” để thực hiện lấy thông tin hành lý; 5. Website gọi đến API “/api/BaggageInfo/GetBaggageInfo” để truy vấn dữ liệu; 6. Website hiển thị dữ liệu nhận được từ API lên giao diện người dùng.	API FPT	Sitecore 7	FPT
21	Tra cứu điều kiện Giá vé	Cho phép khách hàng tra cứu thông tin về điều kiện giá vé, dựa trên hành trình, hạng vé. Module có chức năng quản trị dữ liệu đầu vào thông qua file excel hoặc CSV. 1. Nhân viên VNA thực hiện import file Excel thông tin hành lý vào hệ thống quản trị chức năng Tra cứu 2. Nhân viên VNA thực hiện cập nhật thông tin hành lý nếu có thay đổi đối so với dữ liệu đã được import từ file Excel. 3. Người dùng website truy cập trang “Tra cứu thông tin Giá vé” và nhập thông tin tìm kiếm 4. Người dùng bấm chọn nút “Tìm kiếm” để thực hiện lấy thông tin liên quan điều kiện giá vé 5. Website gọi đến API để truy vấn dữ liệu 6. Website hiển thị dữ liệu nhận được từ API lên giao diện người dùng	API Đối tác	Sitecore 7	Đối tác

STT	Tên chức năng	Mô tả	Phương thức Kết nối	Nền tảng	Đối tác thứ 3
22	Dịch vụ đặc biệt (SSR)	Cho phép khách hàng đăng ký/đặt mua dịch vụ đặc biệt trên website VNA	API FPT	Sitecore 7	FPT
a	Dịch vụ oxy y tế	Khách hàng đăng ký online + Call Center xử lý manual	API FPT	Sitecore 7	FPT
b	Cáng y tế			Sitecore 7	FPT
c	Dịch vụ mua thêm ghế			Sitecore 7	FPT
d	Hành khách cần đón tiễn tại sân bay			Sitecore 7	FPT
e	Hành khách di chuyển với động vật hỗ trợ			Sitecore 7	FPT
f	Hành khách cần xác nhận sức khỏe			Sitecore 7	FPT
g	Nôi trẻ em	Miễn phí + Khách hàng đăng ký online + Auto confirm	API FPT	Sitecore 7	FPT
h	Dịch vụ cho hành khách khiếm thính/khiếm thị			Sitecore 7	FPT
i	Dịch vụ xe lăn			Sitecore 7	FPT
k	Hành khách là phụ nữ mang thai			Sitecore 7	FPT
l	Suất ăn đặc biệt			Sitecore 7	FPT
m	Hành lý đặc biệt	Có tính phí (Tích hợp cổng thanh toán VNP & ADYEN) + Auto confirm	API FPT	Sitecore 7	FPT
n	Dịch vụ trẻ em đi một mình			Sitecore 7	FPT
23	Redeem GIFTCARD	Cho phép khách hàng sử dụng thẻ quà tặng (GIFTCARD do AITS phát hành)	LINK	Sitecore 7	AITIS + FPT
24	E-Voucher (Nâng hạng, Hành lý, Phòng chờ...)	Cho phép khách hàng mua và sử dụng voucher do URBOX phát hành để nâng hạng, đặt hành lý, mua vé...online	LINK		URBOX
25	Trang DashBoard	Tập hợp các chức năng trực tuyến của VNA trong 1 trang chung. Tránh việc khách hàng phải Log-in nhiều lần khi dùng các dịch vụ như hiện tại	API FPT	Sitecore 7	FPT
26	Bản đồ du lịch Việt Nam	Nhúng bằng script	NHÚNG JS/IFRAME		FPT
27	Khách hàng định danh	- Cho phép khách hàng thuộc các đối tượng HS-SV, CA, các đối tác hợp tác,... mua vé giá ưu đãi; - Nhúng URL.	LINK		FPT
28	Đăng ký e-newsletter tại trang Pax Info	- Cho phép khách hàng đăng ký nhận quảng cáo tại luồng mua vé - Kết nối đến API consent của Gimasys thông qua GTM	API Gimasys		Gimasys

STT	Tên chức năng	Mô tả	Phương thức Kết nối	Nền tảng	Đối tác thứ 3
29	Đăng ký e-newsletter tại trang Home và trang E-News	- Cho phép khách hàng đăng ký nhận quảng cáo tại trang home và trang e-news; - Kết nối trực tiếp đến API consent của Gimasys.	API Gimasys		Gimasys
30	Google Analytics+ Google Tag Manager	Nhúng các ứng dụng khác (GA, Insider, đối tác quảng cáo, affiliate,...) thông qua GTM	Nhúng JS		Google
31	Amadeus Digital Experience Suite	Tích hợp bộ giải pháp Amadeus Digital Experience Suite	Webservice		Amadeus
32	B2B web portal	Cho phép khách hàng B2B (đại lý, CA, CTDL) truy cập, sử dụng các dịch vụ của VNA bao gồm: cập nhật thông tin, chính sách về sản phẩm, dịch vụ, xem báo cáo, số liệu về doanh số, kết quả ưu đãi (CKTM, điểm CA), sử dụng các ứng dụng tự phục vụ (self-service), tạo và quản lý các yêu cầu trợ giúp (case) theo mô hình One-stop Shop	Link		GMS
33	Chức năng đăng nhập tài khoản (Login)	Cho phép HV đăng nhập bằng số thẻ FFP, số điện thoại hoặc email đăng ký	Webservice	Sitecore 7	FPT
34	Chức năng quên mật khẩu (Forgot Password)	Cho phép HV thiết lập lại mật khẩu chỉ cần cung cấp số thẻ, email hoặc điện thoại. Link reset mật khẩu có thể gửi qua SMS hoặc qua email đăng ký. Có yêu cầu xác thực OTP trước khi cập nhật.	Webservice	Sitecore 7	FPT
35	Chức năng tài khoản của tôi (My Account)	Hiển thị thông tin tài khoản HV: thẻ, số dặm chặng xét hạng, số dặm tích lũy, số dặm hết hạn, số dặm chặng xét hạng còn thiếu để duy trì hoặc nâng hạng thẻ.	Webservice	Sitecore 7	FPT
36	Chức năng tra cứu lịch sử hoạt động (Activities History)	Hiển thị thông tin tài khoản HV: thẻ, số dặm chặng xét hạng, số dặm tích lũy, số dặm hết hạn, số dặm chặng xét hạng còn thiếu để duy trì hoặc nâng hạng thẻ. Một số thông tin cần thể hiện dưới dạng biểu đồ giúp HV có cái nhìn trực quan.	Webservice	Sitecore 7	FPT
37	Chức năng cộng dặm bù thiếu (Flight Mileage Claim)	Cho phép HV khiếu nại dặm thưởng với các chuyến bay đã bay trên VN và trên các hãng trong liên minh SkyTeam. Hội viên cần cung cấp đầy đủ giấy tờ theo yêu cầu của BSV.	Webservice	Sitecore 7	FPT

STT	Tên chức năng	Mô tả	Phương thức Kết nối	Nền tảng	Đối tác thứ 3
38	Chức năng tính dặm tích lũy (Mileage Calculator)	Cho phép HV tính toán số dặm thường sẽ được tích lũy với các chuyến bay trên VN và trên SKT.	Webservice	Sitecore 7	FPT
39	Chức năng thay đổi mật khẩu (Change Password)	Cho phép HV thực hiện đổi mật khẩu	Webservice	Sitecore 7	FPT
40	Chức năng đăng ký tài khoản (Enrollment)	Đăng ký Hội viên mới và thực hiện cộng điểm ngay sau khi Hội viên activate tài khoản	Webservice	Sitecore 7	FPT
41	Chức năng Ưu đãi của tôi (Giftbox)	Hiển thị các chương trình khuyến mãi, promotion code tương ứng	Webservice	Sitecore 7	FPT
42	Chức năng hồ sơ hội viên (My Profile)	Hiển thị thông tin profile của HV, cho phép Hội viên cập nhật thông tin địa chỉ, email, số điện thoại, đăng ký enews. Có yêu cầu xác thực OTP trước khi cập nhật.	Webservice	Sitecore 7	FPT
43	Chức năng sở thích của hội viên (My preferences)	Hiển thị thông tin sở thích của HV và cho phép HV cập nhật thông tin preferences.	Webservice	Sitecore 7	FPT
44	Chức năng lấy vé thưởng (Redeem Miles - Ticket)	Cho phép HV lấy vé thưởng trực tuyến trên chuyến bay VN, SKT cho chính Hội viên; cho người thân, cho người khác đối với khách hàng hạng T, G, P, M; cho thành viên gia đình. Nếu lấy thưởng cho người khác, số dặm thưởng sẽ được charge thêm 20%. Cho phép HV thuộc đối tượng CA lấy thưởng cho nhiều người. Giá dặm lấy thưởng sẽ thay đổi theo mùa. HV phải trả thêm tiền thuế phí khi lấy thưởng. HV cần xác thực trước khi lấy thưởng. HV cần thỏa mãn các điều kiện lấy thưởng do BSV quy định.	Webservice	Sitecore 7	FPT
45	Chức năng lấy thưởng nâng hạng (Redeem Miles - Upgrade)	Cho phép HV lấy thưởng nâng hạng trực tuyến lên PE hoặc Buz đối với các chặng bay trên VN. HV cần thỏa mãn các điều kiện lấy thưởng do BSV quy định.	Webservice	Sitecore 7	FPT
46	Chức năng lấy thưởng hành lý (Redeem Miles - Baggage)	Cho phép HV lấy thưởng hành lý trực tuyến trên các chuyến bay được khai thác bởi VN. HV cần thỏa mãn các điều kiện lấy thưởng do BSV quy định.	Webservice	Sitecore 7	FPT

STT	Tên chức năng	Mô tả	Phương thức Kết nối	Nền tảng	Đối tác thứ 3
47	Chức năng lấy thưởng phi hàng không (Redeem Miles - Non air)	Cho phép HV đổi dặm thưởng trực tuyến sang các loại phần thưởng của các đối tác Non-air HV cần thỏa mãn các điều kiện lấy thưởng do BSV quy định.	Webservice	Sitecore 7	FPT
48	Chức năng danh sách người thân lấy thưởng (Travel companions)	Cho phép HV hạng T, G, P, M cập nhật thông tin danh sách nhận thưởng. Việc thay đổi người nhận thưởng trong 1 năm lịch cũng phụ thuộc vào hạng thẻ của HV. Số lượng người nhận thưởng cũng phụ thuộc vào hạng thẻ của HV.	Webservice	Sitecore 7	FPT
49	Chức năng từ thiện dặm (Donate Miles)	Cho phép HV quyên góp dặm vào tài khoản charity theo từng chương trình Donation.	Webservice	Sitecore 7	FPT
50	Chức năng liên lạc với chương trình (Sent message)	Cho phép HV gửi message đến BSV theo các category khác nhau	Webservice	Sitecore 7	FPT
51	Chức năng mua dặm thưởng (Buy Bonus Miles)	Cho phép HV mua dặm thưởng trực tuyến Có áp dụng chương trình khuyến mại. Áp dụng 2 loại tiền tệ: USD và VNĐ.	Webservice	Sitecore 7	FPT
52	Chức năng mua dặm xét hạng (Buy Qualifying Miles for upgrade/maintain)	Cho phép HV mua dặm xét hạng để nâng hạng hoặc duy trì. Hệ thống cần tính toán số dặm còn thiếu khi HV mua nâng hạng/duy trì. Có áp dụng chương trình khuyến mại. Áp dụng 2 loại tiền tệ: USD và VNĐ.	Webservice	Sitecore 7	FPT
53	Chức năng mua chặng xét hạng (Buy Qualifying Segments for upgrade/maintain)	Cho phép HV mua chặng xét hạng để nâng hạng hoặc duy trì. Hệ thống cần tính toán số chặng còn thiếu khi HV mua nâng hạng/duy trì. Có áp dụng chương trình khuyến mại. Áp dụng 2 loại tiền tệ: USD và VNĐ.	Webservice	Sitecore 7	FPT
54	Chức năng chuyển nhượng dặm thưởng (Transfer Bonus Miles)	Cho phép HV chuyển nhượng dặm thưởng cho người khác. Có áp dụng chương trình khuyến mại. Áp dụng 2 loại tiền tệ: USD và VNĐ.	Webservice	Sitecore 7	FPT
55	Chức năng chuyển đổi dặm thưởng sang dặm xét hạng (Convert Bonus Miles)	Cho phép HV chuyển đổi dặm thưởng sang dặm/chặng xét hạng Có áp dụng chương trình khuyến mại. Áp dụng 2 loại tiền tệ: USD và VNĐ.	Webservice	Sitecore 7	FPT

STT	Tên chức năng	Mô tả	Phương thức Kết nối	Nền tảng	Đối tác thứ 3
56	Chức năng khôi phục dặm thưởng hết hạn (Reinstatement)	Cho phép HV khôi phục dặm thưởng đã hết hạn trong 1 khoảng thời gian theo quy định. Có áp dụng chương trình khuyến mại. Áp dụng 2 loại tiền tệ: USD và VNĐ.	Webservice	Sitecore 7	FPT
57	Chức năng gia hạn dặm thưởng sắp hết hạn (Prolongation)	Cho phép HV gia hạn dặm thưởng sắp hết hạn trong 1 khoảng thời gian theo quy định. Có áp dụng chương trình khuyến mại. Áp dụng 2 loại tiền tệ: USD và VNĐ.	Webservice	Sitecore 7	FPT
58	Chức năng đăng ký làm thẻ đồng thương hiệu (Cobranded card)	Cho phép đăng ký thẻ đồng thương hiệu với các ngân hàng trong nước và với ngân hàng Sumitomo của Nhật (SMCC)	Webservice	Sitecore 7	FPT
59	Chức năng Hội viên giới thiệu hội viên (Member get member)	Cho phép HV giới thiệu HV mới qua link hoặc qua QR code. HV giới thiệu sẽ được tặng 1 số dặm thưởng nhất định dựa trên chính sách của BSV ở thời điểm triển khai.	Webservice	Sitecore 7	FPT
60	Chức năng tài khoản gia đình (Family account)	Chủ hộ gửi lời mời kèm giấy tờ chứng minh mối quan hệ. Người được mời cần accept lời mời trước khi BSV xác thực thành viên. Chủ hộ được phép đăng ký tài khoản cho HV dưới 16 tuổi.	Webservice	Sitecore 7	FPT
61	Chức năng bán số đẹp (Lucky number)	Hội viên hiện tại có thể mua số thẻ đẹp, số thẻ đẹp sẽ được gắn với số thẻ hiện tại của HV mà không làm thay đổi thông tin profile, account của HV. Đối với khách hàng chưa là HV, khi mua số thẻ đẹp khách hàng sẽ được tạo hồ sơ Hội viên.	Webservice	Sitecore 7	FPT
62	Chức năng gửi thư trực tiếp tới hội viên (ECM: Statement/enews)	Statement: Tích hợp với hệ thống quản lý khách hàng thường xuyên (CLM) của Lotusmiles, xử lý đọc dữ liệu statement file và thực hiện gửi statement email hàng tháng cho HV theo template email mà BSV quy định. Enews: Tích hợp với hệ thống quản lý Khách hàng thường xuyên CLM, gửi enews đến tập khách hàng theo quy định của BSV.	File	Sitecore 7	FPT